

Lễ hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp

Các tộc người định cư sống trên đất Quảng, từ xưa tới nay trong hoạt động kinh tế lấy sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, trong đó trồng trọt giữ vai trò then chốt. Trong tiến trình mở rộng bờ cõi về phương Nam, người Việt đã tiếp tục duy trì tập tục khai khẩn đất hoang, tận dụng ưu thế của vùng đất mới để phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp lúa nước. Trong khi đó, các tộc người thiểu số do điều kiện định cư ở miền núi cao nên có tập quán khai thác và quan tâm tới nông nghiệp nương rẫy. Do địa hình nơi cư trú của họ là vùng cao nên cuộc sống gắn liền với nương rẫy và săn bắn, điều kiện như vậy không có cơ sở cho việc sản xuất nông nghiệp lúa nước. Về sau, ảnh hưởng tập quán cấy lúa nước của người Kinh nên đã có một bộ phận dân cư sống dọc theo Trường Sơn có điều kiện khai thác được một ít ruộng nước tại các thung lũng và bồn địa, trong số đó đồng bào dân tộc Cơ tu có tập quán khai thác lúa nước nhiều hơn các dân tộc khác. Song, cho dù canh tác lúa nước hoặc lúa rẫy thì sự phụ thuộc vào tự nhiên cũng đều có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng ở vùng đất Quảng Nam tương đối thuận lợi cho việc canh tác, trồng trọt và chăn nuôi, vì thế người Quảng trong quy trình sản xuất ra của cải vật chất đã tự nuôi sống mình và gia đình lại vừa có thể dành dụm tích lũy được một ít của cải. Tuy nhiên, đối với nghề nông không phải năm nào cũng mưa thuận gió hòa, thiên thời địa lợi như mong đợi của người nhà nông, mà lắm khi gặp rủi ro do thiên tai, lụt lội, hạn hán, triều cường, sâu bệnh làm cho mùa màng hư hại thất bát, thu hoạch không đủ giáp hạt, có nơi không đủ sinh sống và tái sản xuất. Trước những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết với đầy rẫy những hiện tượng thất thường của thiên nhiên, người nhà nông vô

cùng cực nhọc, *lực bất tòng tâm* trước mọi tác động xấu của tự nhiên trên vùng đất mà con người thuở khai hoang luôn phải *bán lưng cho đất, bán mặt cho trời* mới có được miếng ăn, nỗi niềm ấy được đúc kết trong câu ca dao chua xót :

Gánh cực mà đổ lên non

Còng lưng mà chạy, cực còn chạy theo.

Chính vì gặp quá nhiều gian nan trong quá trình canh tác ruộng đồng mà nhà nông mới cầu viện tới sự trợ giúp, phù hộ của thần thánh, của lực lượng siêu nhiên, cầu xin đất trời ngó nghĩ tới thân phận thiết thòi của nhà nông, mà vốn dĩ muốn cầu xin thì phải cúng kính đàng hoàng. Từ đó các lễ hội nông nghiệp ra đời rồi dần dần gắn liền với đời sống tinh thần của người làm nông. Cũng như các vùng đất khác, người dân sống trên vùng *đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm* này thực hiện các nghi lễ theo nhiều phương thức đa dạng và phong phú.

- Cúng bái các vị thần liên quan đến nghề nông
- Mô phỏng các hiện tượng tự nhiên
- Xây dựng các hình tượng cây trồng, vật linh (nhân cách hóa)
- Tổ chức những nghi thức tế lễ, hội hè, hội làng gắn liền với sinh hoạt nông nghiệp

Như vậy, liên quan đến công việc sản xuất nông nghiệp của người Việt ở Quảng Nam, còn có nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó lễ hội luôn đóng vai trò quan trọng và luôn gắn bó, hiện diện trong đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng suốt tất cả các mùa trong năm.



Chị em phụ nữ rim xôi đường (2017) Ảnh: VVH



Chị em phụ nữ thi gói bánh ú (2017) Ảnh: VVH

Lễ hiến sinh trâu (các pu rác) của người Co

Đối tượng suy tôn: Dâng lễ vật lên thần linh, giàng

Địa điểm : Huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam

Thời gian : Vào dịp cuối năm âm lịch hàng năm

Đặc điểm : Dân trong làng, vui chơi, múa hát.

Cũng như các tộc người khác sống tại miền Tây Quảng Nam, người Co có tập tục xem trâu là con vật hiến tế quan trọng nhất để dâng cúng giàng, nhằm tạ ơn thần linh. Đối với đồng bào dân tộc Co, lễ hiến sinh trâu – các pu rác – (người Kinh gọi là lễ đâm trâu) được tổ chức vào dịp cuối năm, khi việc ruộng, rẫy vừa kết thúc, người nông dân đang ở trong thời gian nông nhàn.

Những gia đình khá giả có trâu, heo, bò, thường tổ chức lễ hiến sinh trâu để mừng nhà mới (nếu vừa mới làm xong căn nhà), mừng sau một cơn bệnh nặng hoặc mừng được mùa, no đủ. Đây là tín ngưỡng mang yếu tố tâm linh và tính cộng đồng rất cao của các dân tộc miền núi. Việc tổ chức thực hiện được một lễ hiến sinh trâu là rất tốn kém, do phải có trâu – chưa đủ – mà phải là trâu đực khỏe, không bị dị tật và đồng thời phải có tiền đãi đãi dân làng, tiền chi vào việc này cũng bằng một con trâu nữa. Thế nên trong một buôn bản, chỉ những nhà giàu nhiều lúa, bắp, có đủ các loại công chiêng và tiền bạc mới có thể nghĩ đến việc khao đãi lên giàng và dân làng bằng lễ hiến sinh trâu các pu rác được.

Trước ngày hiến tế, chủ nhà dựng lễ bằng một con gà trống còn tơ, rượu, bánh xin với thần linh ngày hiến tế, chủ lễ

là vị thầy cúng xem vật đoán việc, từ đôi chân gà xem thần linh có ứng vào và cho phép không. Nếu thần cho phép, việc chuẩn bị bắt đầu. Việc này được chủ nhà báo với già làng để có sự hợp sức, phân công giúp đỡ của các thành viên trong làng.

Già làng phân cho thanh niên vào rừng đốn cây chò chỉ (một loại gỗ tốt, rất cứng) về làm cây nêu hiến tế. Để trang trí cây nêu, cả làng tập trung vào đây, ước phải mất từ 160 – 200 công mới có thể trang trí xong cây nêu cho lễ hiến sinh trâu của một gia đình hoặc cho làng. Bởi vì vừa có yếu tố tín ngưỡng; đồng thời mang yếu tố cộng đồng nên dân làng chung tay như tập quán người Kinh *một nhà có việc trăm nhà lo*.

Trang trí xong cây nêu, dùng dây cột hai đầu treo lên cao cạnh mái hiên nhà hoặc dưới bóng cây to, có thể gác lên cháng hai, cháng ba một cây cổ thụ để giữ cho cây nêu được trong sạch. Sau đó, dân làng tập trung trang trí cho ngày lễ hiến sinh trâu. Đây là công việc đòi hỏi sự công phu và phức tạp, phải bỏ ra nhiều công để chạm bốn tấm *Gu vla*, *Gu tum*. Để có được các hoa văn cổ truyền của người Co, các tay thợ chạm trở ngôi suốt ngày để đục, chạm các đường nét hoa văn cổ, sao cho biểu hiện nét văn hóa đặc trưng của người Co. Để khắc, chạm trở hoa văn, người Co thường dùng dao nhỏ bén, loại dùng lột vỏ quế để khắc chạm hoa văn. Cây nêu được tính toán thật kỹ, để khi khắc chạm xong, ráp vào là ăn khớp các mộng ngay. Một công trình không chỉ mang tính chất tín ngưỡng dân gian trong lễ hội lễ hiến sinh trâu mà còn là một công trình điêu khắc độc đáo của người Co sống trên miền Tây đất Quảng. Các tấm *Gu vla* và tấm *Gu tum*, nơi được cho là thần linh sẽ ngự vào đó để chứng kiến cuộc hiến tế nên trong tiến trình đục đẽo phải cẩn thận và nhất là



Người Co vào lễ hội

không để cho ai bước ngang qua gậy ô uế, thần sẽ không chứng. Không có cây nêu, xem như không thực hiện được lễ hiến sinh, do đó, việc lên rừng chọn cây nêu và trang trí cây nêu được xem như công việc trọng tâm của lễ hội các pu rác. Cây nêu là nơi cột con trâu vào; đồng thời cây nêu còn là nơi trang trí hoa văn cổ truyền đẹp nhất, là phương tiện để qua đó, con người giao tiếp với thế giới thần linh. Gốc cây nêu được chăm chút cho thật đẹp mắt, với chiếc *mâm thần* to, tròn. Trên *mâm thần* vẽ các loại hoa văn cổ bằng ba màu chủ lực truyền thống của dân tộc Co là: đen, trắng và đỏ. Thân cây nêu được

gọt tròn vẽ các loài thú: chim, khỉ, thỏ, heo rừng... còn có ong, bướm bay... Trên ngọn cây nêu cài vào đáy những bông hoa làm bằng những sợi nan cây dang nhuộm màu xanh đỏ, trông mảnh mai rất đẹp. Cây nêu có thể cao tới 13 – 14 mét. Chung quanh cây nêu, người Co dùng các loại vỏ cây, nan dang kết thành những cái hoa đu đưa trong gió, trông sinh động và lạ mắt.. Trên đỉnh nêu là hình tượng con chim *sip lít* (chèo bẻo) và *sip rak* (phượng hoàng đất) bằng gỗ. Đây là linh vật được xem như tô tem của người Co; đồng thời hai giống chim có mặt trên rừng là biểu hiện tinh thần cao cả, đẹp, chân chính của họ.

Tại nhà người hiến tế, dân làng mang tấm *Gu vla* đã được chạm trổ đẹp treo lên cây xà giữa nhà, nơi được cho là thần linh ngự trị vào đây. Tấm *Gu vla* có hình dáng như một bông hoa xòe tám cánh, trên đó người ta chạm mười sáu loại hoa văn cổ truyền khác nhau, đẹp và tinh tế. Quan sát những đường nét hoa văn, cho thấy đây là những sinh hoạt phong tục, tập quán, văn hóa của người Co được tái hiện bằng các hoa văn trên tấm *Gu vla*. Tại cửa ra vào, các nghệ nhân tạo hình một chú khỉ và một con chim đại bàng xòe cánh như đang bay. Khi bước vào nhà dẫm lên một thanh tre có sợi dây điều khiển, chú khỉ đưa tay lên như chào hỏi, còn con chim đại bàng khép mở đôi cánh như đang bay. Còn tấm *Gu tum* được treo nơi bếp, nơi được cho rằng tại đây thần lửa sẽ ngự vào và chứng kiến lễ các pư rác – hiến sinh trâu. Do người Co quan niệm thần lửa chuyên trông coi công việc làm ăn sinh sống của gia đình và luôn bận rộn nên bố trí tấm *Gu tum* để thần có thể tham gia vào lễ hội.

Lễ hội hiến sinh trâu tiến hành trong ba ngày:

- Ngày đầu tiên, trai làng dưới sự điều khiển của vị già làng, tập trung đào hố trên một bãi đất rộng để dựng cây nêu lễ hội. Chọc tiết một con heo ngay tại chân cột, lấy huyết cúng thần *ma húyt*, chuyên trông coi nương rẫy và giữ các loại hạt giống cây trồng cho dân tộc Co. Dân làng đứng thành một vòng tròn, chấp tay cầu khẩn theo nhịp lục lạc leng keng trên tay vị thầy cúng. Tiếp đó, một người ăn mặc rách rưới đóng giả là ma quái chạy quanh đường làng. Mọi người hò reo, khoa chiêng trống, vác gậy đuổi theo. Không khí vui nhộn của lễ hội được đẩy lên. Sau một vài vòng đuổi bắt, “ma quái” bị dân làng bắt được. Nó kêu khóc van xin tha mạng và xin hứa từ nay về sau không làm hại hoa màu, súc vật... không làm cho ôn dịch, bệnh tật, hứa không phá hại dân làng để cho dân làng có đủ lúa gạo giáp hạt. Đây là hội có ý nghĩa xua tan mọi sợ hãi do có sự phối hợp cộng đồng tạo nên sức mạnh có thể đề kháng lại các lực lượng ma quái ám hại, động viên mọi người chung tay xây dựng làng ngày càng phát triển, giàu mạnh.

Buổi tối, người dân cả làng ngồi vây quanh đồng củi cháy phập phùng trong gió núi tại sân bãi, trai tráng đánh chiêng, nhảy múa, các cụ già ngồi hát các làn điệu dân ca truyền thống *xờ ru, a giới* của người Co mong rằng sẽ đến nơi giảng nghe được.

- Ngày thứ hai của lễ hiến sinh trâu, hai cây nêu nữa đã trang trí đẹp mắt được dựng lên trong sự chứng kiến và hò reo của dân làng. Bốn thiếu nữ Co, mặc váy đen, áo trắng cổ đeo vòng hạt cườm nhiều màu sắc, đầu đội những cái hoa xanh, đỏ, cổ tay đeo vòng đồng, bạc lấp lánh, mang gùi, trong là những ống lồ ô đựng nước thiêng lấy tận thác nước đầu nguồn về. Hoặc đôi khi do bốn chàng trai mặc khó lễ, mình khoát

một tấm choàng màu xanh viền trắng, đầu thắt chiếc khăn màu đỏ, gùi sau lưng đi lấy nước thiêng về. Hòa cùng với nhịp điệu chiêng, trống rộn vang, người dân trong làng múa điệu *Kđáo*, vừa múa, vừa theo nhịp điệu chiêng, trống, toàn thể mọi người dự lễ hội vòng quanh cây nêu lễ chín vòng. Xong, chủ lễ rưới nước thiêng lên mình trâu và cây cột lễ. Trâu hiến tế đã yên tâm đứng cạnh gốc nêu lễ, cổ được quàng vào cái nài làm bằng mây, rất chắc. Trâu dâng lễ phải được chọn lựa kỹ, phải là trâu đực, loại trâu mộng, thân dài, dáng đẹp, mông nở nang, cặp sừng cân đối, nhọn. Để tẩy uế cho trâu trước khi hiến tế, trâu được tắm rửa, cho ăn cỏ đóc, ngon miệng, do cỏ có mùi thơm nhẹ nhàng.

Đêm thứ hai, cả làng vẫn tập trung quanh cây nêu lễ ăn uống, ca hát điệu *xờ ru*, *a giới*, múa điệu *Kđáo*, hòa cùng tiếng chiêng trống tung bừng trong ánh lửa phập phùng được đốt lên giữa sân bãi rộng.

- Ngày thứ ba, cả làng tập trung quanh gốc cây nêu lễ. Trong đội hình theo nghi thức, vị chủ lễ dẫn đầu, tiếp sau là những nhạc công mang chiêng, trống, đến những xạ thủ tay cầm dao, và cuối cùng là phụ nữ và trẻ em. Tất cả đi vòng quanh cây nêu lễ đủ chín vòng rồi dừng lại. Đoạn, thầy cúng rung lục lạc leng keng mời gọi thần linh về chứng giám. Hương trầm tỏa ra từ chiếc mủng đựng tro thơm ngào ngạt. Yên lặng. Không gian chùng lẳng thiêng liêng. Vị chủ nhà tiến về phía cột trâu nói: *Trâu ơi! Hãy ngoan ngoãn về với thần linh thì mày được hóa giải sang kiếp khác*. Nói xong, vị chủ nhà cầm dao cúng đâm vào mông phải của trâu làm phép. Bị đau, trâu dậm chân chạy quanh cây nêu lễ. Những chàng trai làng đóng khố, mình khoác tấm choàng, đầu chít khăn đỏ, cầm

những cây dáo cán dài thể hiện những bài võ rất dũng mãnh. Những đường dáo chính xác, xé gió lao về phía trâu, dân làng xem đó rất tự hào, thán phục. Chiêng trống dội vang lên không ngớt theo từng lễ tiết. Dân làng cổ vũ hò reo vang cả một góc rừng. Những ngọn dáo sắc bén lao nhanh vào chỗ hiểm của trâu hiến tế. Máu chảy! Trâu chết hẳn, dân làng xúm lại bứt những sợ lông trâu bỏ lên đầu nhau tìm lấy cái hên, cầu phước lành, sự may mắn, khỏe mạnh trong năm dưới sự chứng kiến của thần linh. Trâu được đưa ra khỏi nài, làm thịt.

Nghi lễ hiến tế lên giàng đến đây kết thúc.

Bên mâm cỗ, mọi người còn thức đến sáng ăn uống và nhảy múa suốt đêm trong tiếng chiêng trống (*gol*) trầm hùng. Chủ nhà vui lòng vì đã hoàn thành *lễ hiến sinh trâu*, tin rằng sẽ được thần linh chứng giám tấm lòng của mình, tin rằng trong năm thần linh sẽ che chở và giúp đỡ cho gia đình họ ¹

Lễ hội Đả t'ri của người Cơ tu (lễ đâm trâu)

Đối tượng suy tôn: Giàng, lực lượng siêu nhiên (thần linh)

Địa điểm : Huyện Hiên, Đông Giang, Tây Giang, tỉnh Quảng Nam; huyện Hoà Vang Tp Đà Nẵng

Thời gian : Vào dịp kết thúc vụ mùa hàng năm/khác

Đặc điểm : Toàn dân tham gia, múa hát.

Đối với đồng bào dân tộc Cơ tu, lễ hội *đả t'ri* không do làng tổ chức mà do mỗi gia đình tự lo, sau đó cả làng vào cuộc

¹ Xem: Thái Cao Sơn (Chủ biên) và Phạm Văn Lợi, *Người Cơ tu*. Sđd. Tr 75,76.

và xem đây là lễ hội chung của cả làng. Tham gia vào hội, họ hát múa tung bừng cùng với tiếng chiêng, trống trầm hùng vang động cả một khu rừng. Trâu đối với các dân tộc thiểu số là một loại hàng hoá đặc biệt có vị trí quan trọng trong sinh hoạt xã hội, tâm linh của họ. Từ hôn nhân, gia đình đến dùng làm vật hiến tế cúng giàng, cúng đất, tranh chấp đất đai, sông suối, cưới vợ, gả chồng.... Trong một đám cưới có trâu mới xong được việc, cho dù đã ăn ở với nhau có khi đã hai mặt con nhưng chưa có lễ đâm trâu trong ngày cưới xem như thủ tục cưới chưa hoàn thành, cho đến chừng nào người đàn ông có trâu bổ sung vào lễ cưới trước đây, chừng đó xem như lễ cưới đã hoàn thành. Do đó, người đàn ông Cơ tu có tập tục cưới vợ lần thứ hai là vậy. Trâu còn được sử dụng vào các ngày khánh thành nhà gươl, nhà mới, đất mới, hoặc trong làng có niềm vui được mùa, được việc gì đấy có lợi cho làng đều tổ chức *đả t'ri* ăn mừng; hoặc trong làng liên tiếp xảy ra mất mùa, xui xẻo, rui ro, chết xấu... cũng phải tế thần linh bằng trâu.

Để chuẩn bị lễ hiến tế *đả t'ri* lên thần, sau khi thống nhất ngày giờ, dân cả làng tập trung nhận nhiệm vụ, phân công nhau chuẩn bị. Cột neo – *x'nur đ'đoong* – phải hoàn thành xong trước *đả t'ri* một đến hai ngày. Cột neo *x'nur đ'đoong* là cây dùng cột con trâu, bằng gỗ tốt, chắc, đốn từ rừng về, được chôn chặt xuống đất tại một bãi đất trống. Cũng như người Co, người Cơ tu trang trí chạm trổ các đường nét hoa văn trên cây neo thật đẹp, mang đặc trưng văn hoá dân gian dân tộc. Từ chân cột lên chừng 1,8 – 2 mét được đẽo cây theo nấc, giữa hai nấc trên dưới này họ đẽo thành bản để trang trí hoa văn vào đấy. Đối diện giữa thành bản người ta đẽo và gắn hai tấm ván gọi là *gwong*. Trên ngọn *x'nur-đ'đoong*, đan một cái *pa'pa* gọi là ổ. Trên ổ *pa'pa* các nghệ nhân vót nan tre, hoặc lồ ô, đang rất mỏng uốn cong tạo nên những

đường hoa văn đẹp. Ở *pa'pa* là nơi đặt gà và đuôi trâu lên cúng. Khi hành lễ, chủ lễ tung gà và đuôi trâu lên phải trúng và lọt vào ổ *pa'pa* thì mới được giàng chứng giám và chấp thuận.



Cây x'nur trong lễ hội Đả t'ri của người Cơ Tu (St)

Đ'đoong làm bằng hai cây tre dài (người Co làm bằng hai cây gỗ rừng) cao, được trồng song song với cây neo *x'nur*. Từ mặt đất trở lên cách một mét (ngang tầm nhìn), các nghệ nhân trang trí các loại hoa vót bằng tre, nan tre mỏng mảnh, tạo thành chuỗi hoa dài, tạo các đường hoa văn cổ truyền của người Cơ tu.

Để dựng cây neo *x'nur*, sau khi đào lỗ ngoài bãi đất xong, tiến hành thủ tục: dùng một con gà trống tơ, cắt cổ lấy huyết cúng máu bên lỗ dựng neo, đánh trống chiêng một vòng quanh nơi chuẩn bị dựng cây *x'nur*. (Người Co cúng bằng một con heo). Dùng một ít rượu, mời vãi ra chung quanh nơi dựng cây neo. Vị chủ lễ khẩn với giàng:

Nay, chúng tôi cúng chỗ sân này báo cho thần núi, thần sông, suối và giàng biết chúng tôi dựng cột neo để đâm trâu và các ngài không được trách móc. Chúng tôi mời thần thánh về đây chứng giám cuộc đâm trâu này và về đây dùng thịt trâu cùng chúng tôi và cho chúng tôi khoẻ mạnh, giàu sang.²

Vị chủ lễ khẩn xong, thanh niên xúm lại khiêng cây neo lễ dựng lên tròng vào lỗ cột trong tiếng chiêng, trống vang lừng và điệu múa *t'tung t'tung – da dă* nhộn nhịp.

Cột trâu vào cây neo lễ *x'nur* tế thần, lễ tiến hành đơn giản nhưng phải có đánh trống chiêng vang lên, và tùy theo lễ tiết mà tiếng chiêng giữ nhịp cũng khác nhau. Lễ của làng có chiêng trống vì đây là việc chung, vị già làng đưa trâu đến và buộc vào cột neo. Nếu lễ dùng vào việc riêng cho gia đình như cưới hỏi, vào nhà mới... thì vị chủ nhà tự tay buộc trâu vào cột và chiêng trống cũng được gióng lên. Buộc trâu vào xong đến khi đâm trâu tùy thuộc vào quá trình tiến hành lễ, đôi khi từ 1 đến 2 ngày mới đâm trâu – *tắc t'ri* – Thủ tục đâm trâu tiến hành như sau:

Chiều tối trước ngày đâm trâu, vị già làng (nếu tế trâu vì việc chung, chủ nhà nếu vì việc riêng) tổ chức cúng trâu – *dục t'ri* – tại sân bãi. Thủ tục cúng *dục t'ri* phải có một con heo, một con gà trống tơ và chai rượu. Lễ chỉ cúng đầu heo, gà luộc cúng ngay tại

² Nâu zi p'nhua bh'nuóih đhí tang moon abhuy k'ruung k'coong, abhuy đông tang, dang brăh năl azi p'đhông x'nur zi tắc t'ri, dang brăh năl óo k'têh k'điing ciing nhua. Zi k'dua ipê cho ây đâu lêy hêh tắc t'ri lọng hêh đăh x'nénh đoo, đoođong ha zi k'ror ma'mông, k'van k'bhô ! Hú...hú...!

cây x'nur thưa với giàng biết rằng: *mọi việc đã chuẩn bị đâu vào đấy, ngày mai làng quyết định đả t'ri*. Sau lễ, thịt heo được kho, nấu ăn uống trong đêm, và ca múa chờ trời sáng. Đêm chờ sáng, cả làng tập trung tại sân bãi múa hát vui vẻ đến khuya, ai mệt thì về nhà, các cụ già trong làng ở lại – thực hiện *nơoi* – *khóc té trâu* – đến sáng. Các cụ mở đầu câu khóc *nơoi* bằng câu: *Bhông dóch li dól mây châu – Trâu ơi, giờ đã buộc vào neo biết gỡ vào đâu* – rồi sau đó khóc tiếp những nội dung liên quan khác. Trong những câu khóc tiếp thường thể hiện nội dung: *kể khổ, nói lên việc đời đau xót, khổ ải, cả một đời người lam lũ nhưng vẫn quanh năm nghèo khó; việc nhà việc nước chưa xong, nay tuổi đã xế chiều, ai biết nay mai đời sẽ đi về đâu*. Người ta khóc về trâu rồi khóc về mình, cả làng thôn thức không ngủ lắng nghe văng vẳng từ bãi sân làng đưa vào nhà *tiếng khóc lý, nói về lẽ đời và căn dặn con cháu sống phải thương yêu nhau, có tình có lý, phải đùm bọc nhau mà sống. Mong con cháu, hàng xóm, đoàn kết, thành đạt, già có nhắm mắt xuôi tay cũng an lòng...* Khóc trâu là biện pháp nhân cách hoá con trâu, nhằm thể hiện tình cảm yêu thương con người với nhau, thương trâu cả đời lam lũ phục vụ con người nay cũng hiến xác thịt cho thần, cho người. Còn nếu trâu hiến tế là của riêng gia đình như đám cưới thì họ lại khóc trâu *biểu hiện sự kể khổ, những điều chuẩn bị cho lễ cưới chưa đủ, chưa xứng tầm với con trâu như yêu cầu của nhà bên gái*.

Cử chỉ khóc té trâu vào đêm trước ngày tế, người khóc tế thường thể hiện hết tất cả lòng mình trong việc thương tiếc trâu là biểu hiện tình cảm cá nhân riêng tư. Song thật sâu sắc khóc té trâu ngoài chủ đích gởi vào tâm can của người nghe thông qua *lý, qua tình*, bằng những kỷ niệm sâu lắng của cuộc đời thì con trâu đêm đó cũng không thể ngủ được và dường như cảm nhận được rằng, trâu cũng thao thức, ngậm ngùi và chảy nước mắt như đã cảm nhận được nỗi niềm than khóc của người đang khóc mình.

Khóc trâu – *nơoi* – là một sinh hoạt văn hoá dân gian cổ truyền của người Cơ tu miền núi phía Tây đất Quảng. Có thể hình dung ra rằng, giữa đêm khuya, nơi một bìa rừng nào đó, núi rừng yên ắng, gió rì rào trên bãi khuya giữa sân làng, một ngọn lửa phập phùng trong đêm tối đầy sao, cùng với con trâu buộc cổ vào nài với 5 – 6 người ngồi chống cằm kể lể trong tiếng khóc với tiếng trống ngắt nhịp 1-2-1, 1-2-1... liên hồi và ngắt quãng (không đánh chiêng) kèm theo lời thai ai oán, lý lẽ chân tình, mộc mạc, thể hiện hết nỗi niềm của mình, ta bắt gặp những đêm tế trâu như vậy thật là sâu sắc và là biểu hiện đặc trưng, đã đi vào lòng người với tâm thức linh thiêng. Đây là một nét độc đáo khó quên.

Đêm đã qua, ngày đâm trâu sáng dần lên. *Đả t'ri* thường diễn ra sau bữa ăn sáng, vị già làng (hoặc chủ nhà) làm lễ cúng tại nhà gươl (hoặc tại nhà riêng) xong, lễ cúng gồm: mâm xôi, chai rượu, con gà luộc, trứng luộc, gạo trắng, muối hạt, chén nước trong. Người cúng là chủ làng khẩn với giàng báo rằng chuẩn bị tiến hành *đả t'ri*. Chiêng trống giục vang theo lễ tiết đâm trâu. Tại nơi để cúng, vị già làng phân công làm một cái lán che bằng những tấm *tút* đẹp, người Cơ tu gọi là *Têng đông bhr' nuóih tác t'ri*. Sau khi lễ cúng tại gươl hoặc nhà riêng xong, mang mâm cúng về tại *g'nâu – lán trại* – đặt vào trại cúng lần nữa. (*P'nhua – cúng – bh'nuóih* tùy theo tính chất cuộc ăn trâu đó. Nếu tế vì việc riêng thì lời khẩn cúng (*p'nhua*): *abhuy đông xang, p'rang l'piing; aghuy amé ama ava adêy; abhuy z'đêr đ'đăl c'râl đông... chô đả t'ri đơng hazi k'ror ma'mông, ching giao, k'van k'bhó*. Nếu làng hiến tế trâu thì lời khẩn: *Abhuy k'tiéc k'ruung, k'coong dading, abhuy abhó đông tang p'rang z'noóc, abhuy ch'ngai đăn chô đả t'ri k'văr đơng ha zi k'van, k'bhó, k'ror ma mông laling ching giao, bớc a'roo abhoo*). Xong lại mang đến gốc cây *x'nur – cây neo lể* – cắt một ít thịt nơi đuôi trâu và thọc lấy ít tiết nơi mũi trâu để cúng thần đất, thần làng, thần cây trồng, vật nuôi và

những người xấu số. Tại đây, vị chủ lễ khấn: *Các thần núi rừng, làng trong làng xóm là một đấng ai xấu với ai, các giàng một lòng như nhau cầu cho chúng tôi nhiều lúa gạo, ngô bắp, của cải, ché chiêng; chặn điều xấu, điều ác, giữ cho chúng tôi sức khoẻ và sống lâu; hôn ông bà ban cho con cháu ấm no hạnh phúc. Đây, chúng ta đâm trâu, chúng tôi hiến trước cho các vị máu trâu tươi và gan ngon để các vị thưởng thức - các vị ban cho chúng tôi những điều tốt lành! Hú... hú... hú...³*. Khấn xong vãi rượu, nước, gạo muối vào đầu trâu và thọc mũi trâu cho chảy máu, đoạn hứng ít máu mũi trâu mang đi cúng trên ổ x'nur. Xong lễ cúng là đến lượt đâm trâu.

Người thọc mũi dao đâm trâu nhất đầu tiên lưu ý rằng nếu việc của làng thì phải chọn người có uy tín trong làng, người biết rõ phong tục, tập quán Cơ tu trong việc đâm trâu, biết đâm trúng chỗ hiểm. Người đó phải nhận một chén rượu cần và con gà của làng cho. Sau khi trâu chết, làng phải trả ơn bằng một miếng thịt *thăng lưng trâu* cho người đâm nhất dao đầu tiên này; còn nếu việc riêng của gia đình thì người đâm trâu đầu tiên là vị chủ nhà và không có tục lệ biếu con gà và chén rượu như việc làng.

Để đâm trâu phải thúc cho trâu chạy vòng quanh cây neo lễ, khi trâu đang chạy thì đâm. Dụng cụ để đâm là dụ sắc, chắc cứng. Vị trí là đâm vào nách phải của trâu (không đâm bên trái), cũng không được đâm lưng tung không đúng nơi quy định.

Nếu vật hiến tế là con bò thì đập lên gáy, lên đầu hoặc cắt tiết cho nhanh chết. Truyền thuyết người Cơ tu kể rằng: *xua kia trâu và bò nói chuyện với nhau, trâu thì nói rằng trước khi chết*

³ Ipê abhuy cruung, abhuy đông tang mui đoo, oó ngai mốp lọng ngai, ipê liêm crê đóng hazi aví, abhoo, cr'van cr'bhố, zó chiing c'riing zor'nur. Xu azi ma'mông k'ro;ra vai apê t'coóh t'ha zoi zu zúp k'coon ta'đhi. Nâu hê tắc t'ri đong hi pê aham, loom l'lâm arướh pê cha đấh ipê k'vã - k'vợ đong ha zi đớh crê đớh liêm! hú... hú... hú...3 lần.

nên đâm để được nhìn lâu trời đất và chứng kiến hát múa tiễn đưa, còn bò thì bảo trước sau cũng chết nên chết lập tức cho khỏi đau đớn.

Việc đâm trâu vào vách phải là trâu tể vào việc tốt trong làng, trong gia đình, mục đích để cho trâu chết từ từ cho dân làng múa vui. Còn dùng cho việc xấu như tang lễ thì đâm vào bên trái, trúng tim, trâu chết nhanh, không múa vui linh đình.

Nhát đâm trâu đầu tiên, người lớn tuổi thường để ý xem khi vừa đâm xong trâu có ngoáy nhìn người đâm nó không. Nếu ngoáy nhìn người đâm nó, họ cho rằng báo điềm xấu cho người ấy, họ lo sợ cho rằng khả năng người đó không sống lâu, chính vì lẽ này người ta phải thúc cho trâu chạy, họ mới đâm từ sau lưng trâu để trâu khỏi nhìn người đâm mình nhất đầu tiên.

Khi trâu chết, người ta quan sát xem trâu ngã về phía nào, từ đó thực hiện quan niệm *xem vật đoán việc*. Người Cơ tu cho rằng trâu ngã chết có liên quan đến chủ nhà hoặc cả làng. Đây là điềm báo tốt hoặc xấu: nếu trâu chết tốt, tức trâu ngã không đè lên nơi vết đâm, bụng ôm vào cây x'nur, đầu hướng vào nhà chủ hoặc nhà gươl (nếu là điềm báo cho làng). Trước khi chết, trâu không dấy đất, không kêu rống là điềm tốt cho nhà chủ; trâu ra máu nhiều, chảy xuống đất, người Cơ tu tin rằng năm này sẽ được mùa to; còn nếu ngược lại là điềm không tốt cho nhà chủ và dân trong làng. Bởi người Cơ tu quan niệm rằng, trâu rống mà dấy đất, kêu rống thảm thiết là trâu có nguyện vọng lạy đất, kêu trời, việc trâu chết là oan sai. Về sau, chủ nhà hoặc dân trong làng thế nào cũng gặp nhiều bất trắc trong cuộc sống.

Trâu tắt thở, người ta nhanh chóng mang nước lã đến tạt lên mình trâu, đổ vào chỗ có vết đâm để trâu chết nhanh và tăng thêm lượng huyết ứ. Lại dùng lá chuối rừng băm trên xác trâu, có ý cho rằng lượng thịt trâu không hao tổn; đồng thời chủ nhà (việc riêng),

vị già làng (việc chung) mang tấm *tút*, chiêng, trống đặt lên mình trâu, xong rãi rượu, gạo muối, nước vào đầu trâu là biểu hiện sự chia của để linh hồn trâu mang về thế giới bên kia an giấc, để lại cho con người nhiều sự tốt lành.

Chủ lễ hoặc vị chủ nhà cắt một ít đuôi trâu, một ít thịt gà, vật lễ ném lên ổ pa'pa trên cao, nơi đã đặt sẵn cái ổ cúng trên đầu cột x'nur. Khi ném trúng và lọt vào ổ cúng xem như giàng đã chấp nhận mọi điều, nếu không phải cầu xin và tiếp tục ném chừng nào đuôi trâu, thịt gà và vật lễ lọt vào ổ mới thôi.

Đối với dân làng vây quanh cột x'nur thành một vòng tròn múa hát vui vẻ, cúng xong tại cột x'nur, mâm cúng mang vào nhà gươl hoặc nhà chủ tiếp tục khấn với *dang abhō – giàng –* trong nhà hoặc làng biết trâu đã tắt thở chờ mổ thịt. Mâm cúng khấn *dang abhō* này chỉ do người già trong làng hoặc chủ nhà ăn mà thôi.

Mổ trâu ngay khi cử lễ và thực hiện các tập tục xong, lấy một ít gan tươi xâu vào dây dang mang đi nướng chín, vị chủ lễ cầm xâu dang ngay tại cột cây neo lễ – x'nur – cúng thần ác⁴. Tại đây chủ lễ khấn: *Trâu đã chết, nay cho các thần linh dùng trước gan ngon đừng quấy rầy hại dân làng nữa*. Cúng xong, lại đem xâu gan vào cúng tại nhà, mục đích cúng thần tài, thần lộc, phù hộ, độ trì gia chủ và hiến trước gan trâu để *dang abhō* dùng, đừng đòi việc khác nữa. Lời cúng khấn như sau: *Nâu zi đơng pêê đấh loom gioó lóp la, nâu pêê đấh cha xang u nâu ipêê chô, đóc ha zi k'ơ ma mông ching gioo, cr'van cr'bhố aví abhoo, ma mai xa xao.* (Này, chúng tôi hiến cho quý ngài ăn gan trước, ăn xong việc đã trọn, mời quý vị về và phù hộ chúng tôi sức khoẻ và sống lâu, giàu sang nhiều lúa, nhiều ngô, nhiều ché chiêng, nhiều dâu rẻ). Khi

⁴ Thần ác được người Cơ tu quan niệm là những người chết xấu không vào nhà được.

chưa cúng gan thì bất cứ ai cũng chưa thể ăn thịt trâu được. Trong lễ cúng hiến tế trâu có việc phải kiêng cử:

- Vợ chồng có thai, vợ chồng vừa mới cưới nhau, người đang mang tang không được vào nơi diễn ra lễ cúng suốt những ngày làng (nhà) đang diễn ra hành lễ.

- Cúng xong, trẻ em không được cho ăn mắt trâu vì sợ lớn lên chỉ biết nhìn mà không biết làm, không cho ăn tai trâu vì sợ chỉ nghe mà không chịu làm lụng, không ăn bộ phận sinh dục vì sợ mắt kém dễ ngoại tình.

Sau lễ cúng, mổ thịt trâu chia nhau ăn uống bình thường không còn kiêng cử gì nữa. Đêm sau lễ hiến tế chỉ ăn uống no say mà không múa hát điệu t'ung, điệu da dă như đêm trước, thanh niên nam nữ Cơ tu tập trung vào nhà tổ chức hát các làn điệu dân ca Cơ tu: *cha'cháp, ca'lời, pr'lu bhr'noóh, đhưng đháp, k'lời tr'ghléch...* với các loại nhạc cụ như khèn, sáo. Có nhóm nói lý, hát lý với nhau để hiểu thêm chuyện làng, chuyện nhà, chuyện rèn luyện đạo đức và kể chuyện cổ tích cho các em nhỏ nghe...

Mờ sáng hôm sau, người chủ lễ lấy sọ trâu cống lên lưng, múa 3 vòng cùng với tiếng cồng chiêng tại gốc cây *x'nur* báo cho giàng việc hiến tế đã hoàn tất, sau đó vào lại nhà cũng múa 3 vòng như ngoài trụ neo và khấn với giàng: *Đây, việc ăn thịt trâu đã xong, từ đây các ngài không còn thắc mắc gì để đòi thịt trâu nữa. Mong quý ngài phù hộ, độ trì cho dân làng và trở về nơi cũ để lại cho con cháu những điều tốt lành, thành đạt.*

Từ đó, chiêng trống được mang đi cất không đánh nếu không có việc tế lễ để dùng. Lễ hội *Đánh t'ri – ăn trâu* – đến đây kết thúc.

Lễ hội mừng lúa mới các dân tộc thiểu số (Cơ tu)

Đối tượng suy tôn: Thân lúa, Tinh thần cộng đồng trong thu hoạch mùa màng

Địa điểm : Huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, tỉnh Quảng Nam, huyện Hoà Vang Tp Đà Nẵng

Thời gian : Tháng 10 âm lịch hàng năm

Đặc điểm : Mừng lúa mới.

Vào tháng 8,9,10 sau khi đồng bào sửa sang lại nhà cửa xong thì ngoài nương rẫy lúa đã bắt đầu chín tới. Đồng bào bắt tay vào việc thu hoạch lúa mùa. Trước đây đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Nam một năm chỉ có một vụ lúa mà thôi. Sau khi dạo quanh các nương rẫy xem và đoán định lúa đã chín đều khắp hay chưa, sau đấy, làng tổ chức họp bàn chọn ngày giờ tổ chức ăn lúa mới.

Để lễ hội ăn lúa mới được vui vẻ, thanh niên nam nữ dọn dẹp nhà cửa, sân làng, quanh khu nhà cho thật sạch đẹp; đồng thời mang các loại dụng cụ lao động như rựa, liềm, rìu, nong, nia, dùi, sàng, cối⁵, chày... vào nhà gươl để báo cáo với giàng rằng kết quả công việc lao động trong năm. Mặt khác dùng các ống thụt chim, cá, sóc, nhím... vừa bắt được ở rừng về, nướng chín thơm lừng, đoạn tập trung lại tại gươl dâng lên cho làng. Các cô con gái, các chị, các mẹ tắm rửa sạch sẽ, ăn diện bộ váy mới, lau chùi gùi và ngực các loại hoa, phần nhiều là hoa rừng *a'ai*, *k'bhóc* cắm vào gùi cho đẹp chuẩn bị tuốt lúa vàng về cho làng.

Nếu được làng thống nhất thì ngày được chọn, cả làng ra quân đi tuốt lúa theo rẫy ai người ấy tuốt. Người bước chân vào rẫy tuốt lúa đầu tiên là người mẹ trong nhà, bà ngắt ba bông lúa

⁵ Cối giã lúa của đồng bào dân tộc hầu hết làm bằng thân cây gỗ, loại cứng.

cột riêng bỏ vào gùi sau lưng, sau đó tuốt vài ba bông trao cho các chị em mỗi người một ít, cách phân công như thế, tục người Cơ tu gọi là *chrây*, và bà khẩn:

*A'roo t'mêê, k'bhêê chă đêêng;
bịng zong bịng đông;
puôn c'nắt ch'pắt ch'nêêh bịng gọ gooi;
toi đóc hazi k'van k'bhố, crêê liêm...
Lúa mới đừng tổn hao;
đông đầy kho;
bốn miêng sáu hạt nở đầy nôi;
tạo cho chúng tôi giàu no, yên ổn).*

Kế đến là mọi người tuốt lúa. Tuốt đầy gùi mọi người về nhà làm thủ tục cúng lúa mới, bà mẹ bứt bông lúa đầu tiên ở rẫy về nhà khẩn báo với thần linh rằng: *lúa mới đã về nhà, mong thần phù hộ, độ trì, lúa chắt đầy kho, bụng no đủ cả năm*. Tất cả chị em mang số lúa vừa mới tuốt được vào bếp rang lên, nấu một nồi nhỏ cúng giàng, cúng thần linh, thần lúa và nấu một nồi to cho cả nhà ăn. Cơm đã xong, đưa mâm cơm và ống thịch nướng lên gươl dâng cho làng thưởng thức phần lúa mới của gia đình mình, tục Cơ tu gọi là *đh'bury*. Tục quy định cho mỗi chủ hộ tự mang cơm của hộ mình lên gươl để làng gộp chung các hộ lại, và sau đó tổ chức một bữa ăn chung cho cả làng. Một bữa cơm cộng cảm mang đầy giá trị nhân văn và tính cộng đồng cao cả. Dân trong làng tập trung đông, ngồi ăn chung tại gươl theo thứ bậc trên dưới. Trong bữa cơm mới ăn chung này, người Cơ tu có tục kiêng:

-Vợ chồng (cả chồng) có thai nghén, nhà đang thời kỳ tang hiếu không được đến nhà gươl dự bữa ăn cơm mới này.

Ba ngày sau khi thực hiện tục *đh'bury*, người Cơ tu mới lên rẫy, từ đây họ tập trung tuốt cho xong lúa trên rẫy trước khi mưa, gió, lũ tràn về. Việc tuốt lúa trên rẫy được phân công cho con gái,

đàn bà, con trai và đàn ông chỉ việc mang lúa về phơi khô và cho vào cất trong kho. Tuy nhiên nếu tuốt lúa nhằm vào mùa săn bắt, việc phơi phóng cũng giao lại cho đàn bà con gái, còn đàn ông, con trai nhất định vác dụng cụ săn bắn lên rừng để tham gia cùng trai tráng buôn làng vào việc đi săn. Đi săn là ngày hội của đàn ông Cơ tu. Con trai Cơ tu không bỏ săn bắn, trừ những người già.

Khi cho lúa vào kho, lúa mới để riêng, lúa cũ riêng, chọn lúa giống cho vào bao bọc cất đặt cẩn thận. Lúa cũ dự phòng trong kho dùng vào những việc như việc tang, cúng lễ... (lúa mới không dùng vào các tục lệ có cúng tế).

Khi trên nương rẫy đã được thu hoạch xong, người đứng đầu buôn làng dạo đồng kiểm tra xác định mùa tuốt lúa đã xong, cả làng lại chọn ngày họp mặt lại lần nữa, ăn mừng kết quả lao động trong năm. Lễ ăn lúa mới lần này người ta có nấu cơm lam (vuốt gạo xong cho vào ống dang, nửa và nướng chín), tổ chức đánh chiêng trống vang rền, đêm xuống múa hát làm vui, trai gái tìm cách *đi sim*, mời bà con, họ hàng thân thích trong hoặc ngoài buôn làng về nhà dự lễ mừng cơm mới. Người Cơ tu nấu các loại cơm theo mùa, mỗi mùa có mỗi cách nấu khác nhau. Trong lễ ăn lúa mới là rang lúa, giã và nấu cơm thông thường. Do lúa mới nên rang lên và nấu mùi lúa mới rất thơm. Lễ mừng sau khi thu hoạch xong nấu cơm lam (*hâr*). Lễ mừng phát rẫy xong, nấu xôi (*đhoóh*). Lễ tria lúa rẫy xong nấu *bánh cuốt*. (Bên cha (*chúih*) vợ - *tr'chác tr'giáo* - đến nhà con rể thăm chơi cũng phải thực hiện theo tập tục này.

Người Cơ tu phát rẫy xong, tiết đã sang xuân, nắng ấm áp, hoa phong lan nở rộ, chim muông sinh trưởng hót vang rừng (*pa'toọng k'lang xul*), mọi người vui mừng nấu xôi làm lễ ăn mừng gọi là lễ *k'đắc pa'toọng*. Sang hè, người Cơ tu đốt rẫy và tria lúa, tria xong là thời điểm nông nhàn, làng và nhà tổ chức sửa

sang nhà cửa, đường làng, sân bãi, máng nước và liên hoan bằng bánh *cuốt*.

Lễ cúng máng nước các dân tộc thiểu số (Người Xơ đăng gọi là On dro kneng tea)

Đối tượng suy tôn: Thần đất, thần núi, thần sông, thần nước...

Địa điểm : huyện Trà My tỉnh Quảng Nam (và các dân tộc Tây Nguyên)

Thời gian : Tháng Chạp âm lịch

Đặc điểm : Cúng tại máng nước, toàn dân trong buôn tham gia, có tính cộng đồng.

Có thể nói, trước khi bắt đầu mùa lễ hội gắn với đặc trưng phương thức nông nghiệp nương rẫy và với vòng đời người, các tộc người miền Tây đất Quảng (cả với Tây nguyên) bắt đầu bằng lễ hội cúng máng nước. Khi lễ hội cúng máng nước tổ chức xong, các lễ hội khác theo đó lần lượt khai cuộc.



Lễ hội người Xơ Đăng (St)

Hằng năm, các dân tộc miền Tây đất Quảng vào tháng Chạp âm lịch, sau khi thu hoạch một vụ mùa đầy khó khăn trên nương rẫy, các buôn làng dân tộc Co, Xơ đăng, Cơ tu...miền núi rất coi trọng máng nước, một tục lệ rất quan trọng trong cuộc sống nhằm cầu mong một năm mới trù phú hơn no đủ hơn, khoẻ mạnh hơn nên có lệ tổ chức lễ hội cúng máng nước. Tháng 12 là tháng xem như thời gian nông nhàn của đồng bào các dân tộc miền núi. Cúng máng nước nhằm các mục đích cầu cho các lực lượng siêu nhiên đem lại sự bình an cho dân làng, sự no ấm, thịnh vượng và sức khoẻ cho mỗi người dân. Máng nước là nơi linh thiêng, không một ai có thể làm ô uế máng nước. Máng nước và bến nước không chỉ là công cụ dùng chung cho cả làng trong sinh hoạt, nó còn là biểu tượng của sức khoẻ, bệnh tật, no đủ hay đói nghèo. Lễ hội cúng máng nước còn suy tôn và biết ơn thiên nhiên đã ban tặng cho dân làng buôn, bản nguồn nước mát lành. Cúng máng nước

còn nhằm mục đích làm sạch máng nước, sửa sang lại những nơi cỏ cây, bụi lùm làm ngăn dòng chảy đưa nước về buôn làng. Hoặc sửa lại đoạn ống đã bị hư mục, dập nát sau một năm dẫn nước về làng.

Người Xơ đăng tại huyện Trà My tỉnh Quảng Nam tổ chức lễ hội khi mùa vụ đã thu hoạch xong, và thực sự bắt đầu mùa lễ hội khi dân làng đã tổ chức xong lễ cúng máng nước. Thế nên có thể xem lễ hội cúng máng nước nằm trong nhóm các lễ hội tín ngưỡng cộng đồng của đồng bào Xơ đăng miền Tây đất Quảng. Lễ hội diễn ra trong 3 ngày do già làng làm chủ lễ. Trước khi lễ hội diễn ra chừng năm ba ngày, dưới sự điều khiển của *can play* – chủ làng – huy động tất cả thanh niên trai tráng trong làng làm vệ sinh máng nước từ nguồn nước (suối nước) về đến đầu buôn, gọi là bến nước, nơi thuận lợi cho dân làng đến lấy nước về dùng. Trong làm vệ sinh có thể thay mới một số đoạn tre, lồ ô bị dập nát, dọn dẹp bụi lùm che khuất máng nước nhất là đầu nguồn nước phải được làm vệ sinh sạch sẽ.

Để lễ hội tiến hành thuận lợi suông sẻ, trong 3 ngày diễn ra các tục lệ cúng máng nước, người Xơ đăng có tục kiêng cử kèm theo nhằm đáp ứng mong muốn của lực lượng thần linh:

- Tất cả mọi người dân trong buôn làng, vào những ngày lễ hội diễn ra không một ai được lên rẫy làm mùa, không ra khỏi làng lên rừng săn bắn, không ai (kể cả trẻ em) ra suối bắt cá, tôm, ếch, người dân trong làng không được ra khỏi buôn làng trong những ngày lễ hội diễn ra.

- Khách đến thăm làng, sui gia, bè bạn đều không được vào làng. Điều này đã có dấu hiệu ngăn cấm cấm tại đầu làng.

Tuy nhiên trong 3 ngày lễ hội điều khuyến khích dân làng thực hiện đó là công chiêng được đánh lên liên tục trong những

ngày lễ hội diễn ra. Đánh cồng chiêng nhằm gửi thông điệp đến các thần linh mong có sự cảm thông, giúp đỡ cho buôn làng năm mới sức khoẻ, được mùa.

Ngày đầu tiên già làng tiếp tục huy động thanh niên trai tráng và những người có sức khoẻ tiếp tục làm vệ sinh máng nước. Trong khi đó, già làng phân công công việc tế lễ, chọn 6 người trai tráng khoẻ mạnh chia làm 2 nhóm lo việc tế lễ cùng với chủ lễ. Một lễ cúng tại đường dẫn bằng tre, lồ ô đưa nước về buôn, cùng với chủ lễ là 2 nhóm giúp việc (thầy cúng) đi dọc theo đường ống hành lễ. Chủ lễ tay cầm chén rượu vừa đi vừa khấn: “*Xin thần linh, giàng giúp đỡ không để các loại ô ứ đến gần máng nước của dân làng, xin giàng thương dân làng xưa đuổi những tà ma không tốt làm hại máng nước, dân làng biết ơn giàng cùng các vị thần linh*”. Sau đó, một lễ cúng được thực hiện ngay tại bến nước, nơi máng nước đổ ra, nơi dân làng đến lấy nước gùi về nhà sử dụng. Vật cúng tại bến nước được dân làng kiên dụng gồm con heo hoặc con gà còn sống, một chén rượu (biểu tượng của sự linh thiêng). Vị già làng làm chủ lễ, các nhóm giúp việc làm phép trừ tà ma, đuổi chúng ra khỏi bến nước. Chủ lễ đến gần con vật tế lễ heo, gà bằng sự cảm thông thể hiện tình cảm, thăm thì nói với chúng, khuyên nhủ và thương cảm con vật được chọn hiến tế, dân làng gửi gắm điều lành vào con vật hiến tế, mong chúng thông cảm thuận lòng chịu hiến tế đem lại yên vui, khoẻ mạnh, sự no đủ cho dân làng trong một năm mưa nắng thất thường – xem như lời khóc kể – sau đó mang chúng đi cắt tiết. Máu của vật hiến tế được hoà vào rượu để cúng, dâng lên thần. Cúng xong, vị chủ lễ mang chén rượu đó đổ vào máng nước, và cầu khấn mong cho nước trong máng về nhiều, đủ cho dân làng dùng. Chiêng trống gióng lên vang lừng, âm thanh âm âm toả vào không gian một không khí trầm tư, lay động đầy chất suy tưởng và linh thiêng. Tất cả

người dân trong làng kể cả trẻ em đều khuất phục trước lễ hiến tế lên giàng đang diễn ra.

Khi lễ cúng máng nước đã thành, mọi người lấy nước từ trong máng tắm cho cho trẻ em mong sẽ trừ được bệnh tật vì đã có sự chứng giám của thần, dùng nước nấu cơm ăn sẽ được khoẻ mạnh quanh năm. Người Xơ dâng sau lễ máng nước tin rằng khí thiêng của thần nước, thần núi, thần đất và các con vật hiến tế đã đồng ý truyền sức khoẻ cho mọi người. Đến chiều từ máng nước, dân làng về lại nhà chủ lễ nấu cơm ăn và uống rượu cần.

Ngày thứ hai, lễ cúng máng nước được tiến hành tại mỗi nóc (nhà). Chiêng trống được gióng lên vang rền buôn bản, các buôn cạnh bên đều biết lảng giêng đang tiến hành lễ máng nước nên muốn vào buôn cũng phải nán lại sau lễ. Các đường đi trong buôn đều có dấu hiệu hành lễ, cắm đi lại bằng hình thức cột dây ngang qua đường đi, trên dây treo bông gòn, hoặc lông gà để nhận biết. Người trong mỗi nóc không ra khỏi nhà sang nhà hàng xóm, nghĩa là đang khi cúng tại mỗi nóc người ta ý thức rằng nội bất xuất, ngoại bất nhập thì lễ mới thiêng, mới được giàng, thần chứng giám.

Ngày thứ ba, dân trong buôn làng thực hiện một lễ cúng chung, dụng lễ cho lần cúng này là một chén rượu và một con gà là đủ. Già làng trong vai chủ lễ. Lễ dâng lên thần núi, thần đất, thần nước... mong quanh năm no đủ, cuộc sống nhà nhà yên vui, khoẻ mạnh. Lễ xong, mọi người dân trong làng đi dọn dẹp các dây cột ngang đường làm dấu hiệu ngăn cấm. Xong việc, dân làng tập trung về nhà cượt (như nhà rông, nhà gươl) mang theo rượu cần, cơm nướng trong ống tre, ống giang. Tại nhà cượt, già làng chúc sức khoẻ cho mọi nhà, mọi người, không đau ốm, bệnh tật, chúc cho gia súc gia cầm ăn nhiều, chóng lớn, chúc cho một năm làm ăn nương rẫy thuận lợi, được mùa... vị già làng chúc cho tất

cả mọi sinh hoạt liên quan đến con người đều vừa lòng, đạt hiệu quả. Sau lời chúc, bữa cơm cộng cảm diễn ra tại nhà *cuot* đầy tinh thần đoàn kết vì cộng đồng, vì sức khỏe cho mọi người dân buôn bản.



Người Xơ Đăng cúng On dro kneng tea (St)

Sau ngày thứ ba, lễ chuyển sang cuộc vui vì máng nước mới được sửa sang, người ta vui chơi kéo dài từ đầu hôm đến sáng. Trong đêm, thanh niên nam nữ Xơ đăng hát đối đáp huê tình, giao duyên, tìm hiểu nhau (giống tục *đi sim* của người Cơ tu), đôi khi cuộc tìm hiểu diễn ra suốt cả tháng nghỉ ngơi nông nhàn sau lễ.

Sau một tháng nghỉ ngơi, người Xơ đăng lại chuẩn bị dụng cụ lao động, bắt đầu bước vào vụ mùa mới.

Nếu như người Xơ đang tổ chức cúng máng nước sau khi thu hoạch xong vụ mùa thì người Bh'noong huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam lại tổ chức lễ cúng máng nước vào thời gian sau khi chọn đất và phát đốt xong nương rẫy, trước khi tủa lúa, bắp. Nghi lễ cúng máng nước đối với người Bh'noong chỉ diễn ra trong mỗi nóc, mỗi dòng tộc nên lễ vật dâng cúng thần linh cũng chỉ là một con gà (còn sống trước khi cắt tiết) với các loại dây rừng, lá rừng như: cây *ta tôn* tươi lâu (sau khi hái về), các loại cây lâu khô... Lễ dụng đặt tại đầu máng nước (bến nước) vào ngày có trăng sáng và vào lúc chạng vạng tối khi mây núi âm âm lan toả một khu rừng. Khi chủ nhà cúng, dâng lễ lên cho thần, xách con gà nhúng vào nước trước khi làm thịt. Máu của gà đem trộn với cây *ta tôn* trước khi đổ lên máng nước. Trong lúc hành lễ chủ nhà khẩn cùng ma quỷ, thần núi, thần rừng, thần sông, khẩn với trời đất: *dân làng xin cho dòng nước luôn đầy, mát mẻ, cầu xin thần cho dân làng có nước uống, không bị ốm đau, cho rẫy tốt tươi không bị khô hạn.*

Người Bh'noong xem lễ cúng máng nước là một nghi lễ quan trọng và rất nghiêm túc trong chu kỳ canh tác nương rẫy của mình. Do người dân tin rằng, lễ cúng máng nước xong, thế nào sau khi tủa lúa, lúa sẽ lên nhanh, sẽ không ai trong gia đình bị đau ốm, bệnh tật thất thường hay gặp tai nạn bất ngờ dẫn đến chết xầu, rất phiền phức cho nóc nhà và cho buôn làng.

Qua khảo sát, có thể thấy lễ hội cúng máng nước nghiêng về phần lễ nhiều hơn hội, lễ có vị trí quan trọng trong tín ngưỡng dân gian các dân tộc miền núi đất Quảng, vừa là dấu hiệu khép lại một chu kỳ nương rẫy; đồng thời lại là sự mở đầu cho một chu kỳ nương rẫy mới với bao lo toan mưa nắng thất thường, mệt nhọc buồn vui trên triền núi, sườn đồi. Lễ cúng máng nước là lễ khởi động đầu tiên cho mùa lễ hội, tiếng chiêng, tiếng trống sau một

năm, nay được đồng bào dân tộc miền núi khởi động trở lại cho một mùa lễ hội.

Lễ hội tế trâu làng An Hải

Đối tượng suy tôn: Thần Nông và các bậc tiền hiền, tiến bối có công với làng.

Địa điểm: Đình làng và đàn Thần Nông.

Thời gian mở hội: Mùng 10 tháng 8 Âm lịch.

Đặc điểm: Con trâu được chọn làm biểu tượng chính trong lễ tế.

Làng An Hải xưa cùng với các làng Hoá Khuê, Hải Châu, Trà Kiệu, Chiên Đàn nổi tiếng là “*Quảng Nam ngũ đại xã*”. Làng nguyên là hạt Bà Thân, gồm 4 xứ: Bà Thân thượng xứ, Bà Thân trung xứ, Bà Thân hạ xứ, Bà Thân hậu xứ. Làng vốn có tên là Phước Vang, sau gọi An Hải.

An Hải không chỉ là làng quê nổi danh các nhân vật đã đi vào lịch sử như: Lê Cảnh, Trần Quang Diệu, Thoại ngọc hầu Nguyễn Văn Thoại ... còn hiện diện trong các đền thờ, lễ hội, văn tế được lưu giữ, mà còn nổi tiếng qua lễ hội tế trâu tại đình làng và đàn Thần Nông.

Lễ hội tế trâu hàng năm thường được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch. Mục đích ngưỡng vọng *Thần Nông* hay còn gọi là *Tiên Nông*, tương truyền là vị Thần tổ sư nông nghiệp đã khai sinh ra nền văn minh lúa nước. Tôn vinh công đức các bậc tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cư cùng các bậc tiền bối có công và tưởng nhớ về cội nguồn, mang hình thức lễ hội cầu an (hay cầu yên), cũng chính là ngày nông dân sau

thu hoạch vụ mùa Hè - Thu, nghỉ tay chờ xuống đồng cho vụ Đông - Xuân. Lễ hội được tổ chức trọng thể tại hai nơi là đình làng và đàn Thần Nông.

Đàn Thần Nông, được tiền nhân xây dựng trên khoảnh đất tại xứ Cồn Lãng, xưa gọi là “*Linh địa lâm cảm An Hải xã*”, nơi chỉ dành để xây dựng lăng miếu, đền đàn, lăng mộ của các quan võ tướng có công với làng, nên có địa danh “*Cồn Lãng*”. Và cũng bởi quan niệm người xưa, tạo hoá sinh dưỡng muôn loài động thực vật là bởi kết hợp âm dương của trời đất, do đó đàn Thần Nông được xây dựng lộ thiên, không có mái che, để đất được thông với trời cho âm dương được hoà quyện. Và cũng bởi ý thức, con trâu là con vật tuy rất khoẻ mạnh nhưng hiền lành và rất trung thành với chủ, góp công đáng kể trong lao động sản xuất của nhà nông, mà người đời vẫn thường hay hát:

*“ Trâu ơi! ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta
Cái cày vốn thiết nông gia
Ta đây, trâu đây ai mà quản công ... ”.*

Vì thế trong lễ hội này, con trâu được chọn là “vật tế chính” nhưng “chỉ tế sống chứ không giết mổ”. Vì vậy mà lễ hội này được dân gian quen gọi là “Lễ hội tế trâu” qua truyền tụng:

*“ Dù ai đi đâu, ở đâu
Mòng mười tháng tám tế trâu thì về ”.*

Lễ hội tế trâu làng An Hải được diễn ra như sau:

Thành phần tham dự lễ: Gồm các quan viên, chức sắc của huyện Diên Phước hoặc Hoà Vang (nguyên làng An Hải trước thuộc huyện Diên Phước sau thuộc huyện Hoà Vang), viên chức thuộc tổng An Lưu, bàn lão và hương chức của các làng Tân An, Phước Tường, Mỹ Khê, Hội đồng hương lão, Hội đồng ngũ vị hương (Hương lý, Hương thân, Hương kiểm, Hương lễ, Hương bộ) cùng các thân hào nhân sĩ và nhân dân địa phương An Hải.

Thành phần diễn lễ: Gồm ban tổ chức, đứng đầu là lý trưởng, cùng với điền lễ, chủ bái (hay chánh tế, chủ tế, chánh bái), tả hữu bồi bái (hay hai bồi tế hoặc Đông Tây phân hiến), hai người phụ trách kiêng cỗ (nhạc khí loại nhỏ), hai người phụ trách chinh cỗ (chiêng trống lớn), một người phụ trách thanh la (gọi là cái lệnh), 3 người phụ trách rót trà, rượu tại 3 gian bàn thờ trong đình làng, một người phụ trách đọc văn tế, một người phụ trách xướng, 12 lễ sanh (còn gọi học trò gia lễ), 4 người phụ trách khiêng kiệu, một số người phụ trách cầm cờ vuông ngũ sắc, cờ đuôi nheo (cờ xéo), cờ phướn, ban nhạc cỗ bát âm gồm có: trống, kèn, sáo, đờn nhị, đờn cò, đờn tranh, xập xoã, sinh gõ nhịp. Tất cả đều trang phục chỉnh tề tùy theo vai trò phụ trách.

Lễ phẩm bao gồm: Trầu, cau, rượu, hương trầm, hoa quả. Các mâm cỗ, chủ yếu là xôi nếp mới gặt, thịt, bánh các loại (tét, tổ, nỏ, in) được đặt tại 3 bàn thờ trong đình làng, một tại bàn chính diện ngoài sân đình, một tại đàn Thần Nông. Con trâu được chọn để tế trong buổi chánh lễ tại đàn Thần Nông và đình làng là con trâu đực khoẻ mạnh, mập béo, da lông

mượt, đôi sừng cong nhọn cân đôi trông oai vệ. Đầu và lưng trâu được phủ lên tấm vải đỏ.

Diễn tiến lễ hội: Đêm mùng 9 tháng 8 âm lịch, cúng tế tại đình làng có phần giản đơn, gọi là “lễ vọng” (còn gọi là cáo tiên thường). Ngày chánh lễ mùng 10 tháng 8 âm lịch, tờ mờ sáng được khởi động bằng ba hồi thanh la, không ai bảo ai, từ trong đền ngoài sân đình làng người người quần áo tươm tất hơn thường nhật, niềm nở chào đón nhau. Sau ba hồi thanh la, ba hồi kiêng cổ, nhạc cổ trỗi lên, rồi ba hồi chiêng trống và xướng... Chủ tế đến thau nước “*quán tẩy*” rồi bước vào chiếu, cầm 3 cây hương khấn vái trước bàn linh án đặt tại trước sân đình cận bức bình phong che chắn cổng đình, có 4 lễ sinh đứng hầu hai bên, tuân tự theo lời xướng, rồi 2 trong số 4 lễ sinh đó cầm đèn quỳ hai bên vị đọc văn tế cúng cô hồn trước tiên án hương trầm nghi ngút. Nội dung của bài văn tế nói lên sự thương tâm thảm thiết đối với “*cô hồn thập loại chúng sanh*”. Xong tế cô hồn, 3 hồi thanh la, 3 hồi chiêng trống dứt, nhạc cổ trỗi lên. Kế vị chủ tế và hai bồi tế bước vào gian chính tiền đình, chủ tế cầm 3 cây hương khấn báo rồi bưng bát hương trầm đi giữa, hai bồi tế bưng hai chun đèn đi hai bên trong tiếng nhạc cổ rộn ràng, tiến ra trước sân đình, đặt vào trong chiếc kiệu hoa đã được bài trí. Đoàn rước kiệu tiến về đàn Thần Nông theo thứ tự định sẵn, đi đầu là thanh la, cờ vuông, tiếp hai hàng cờ phướn, cờ xéo, chiêng trống, trâu tế, đội nhạc cổ, chủ tế và hai bồi tế, kiệu hoa, song song với kiệu hoa là hai hàng lễ sanh (12 người), sau cùng là đoàn thân hào nhân sĩ địa phương An Hải.

Khi đến nơi, chủ tế và hai bồi tế cùng thỉnh bát nhang và chun đèn trên kiệu hoa đặt lên bàn thờ tại đàn Thần Nông đã bày sẵn mâm cỗ. Trong khi chủ tế cầm hương khấn nguyện: *”Thỉnh cầu Thần Nông, thần linh thổ thần ban cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, dân chúng được mạnh khoẻ ấm no ...”*, thì đoàn cờ nheo, cờ phướn, cờ vuông lượn diễu vòng tròn nhiều vòng quanh đàn Thần Nông cùng với con trâu tế hoà lẫn tiếng nhạc cổ, tiếng chiêng trống nhịp nhàng.

Xong tế lễ tại đây, đoàn rước kiệu lại trở về đình làng, nghi lễ tiến hành theo người xướng, chủ bái, bồi bái và học trò gia lễ thực hiện lễ theo cung cách dẫn lễ 3 tuần rượ, đọc văn tế có nội dung nhằm tưởng niệm công đức của các tiên hiền, tiền bối trong việc qui dân lập ấp, khẩn điền của các liệt tổ, liệt tông, các văn quan võ tướng có công huân với nước với làng ... Thành khẩn ca ngợi công lao trời biển cùng bày tỏ lòng ngưỡng vọng tri ân của toàn dân... Thủ phục cúc cung, xin các bậc tiền nhân hiển linh chứng giám và ban phúc ấm cho dân chúng được an cư lạc nghiệp, muôn đời làng nước, thôn xóm được thịnh vượng ... Đồng thời cũng thành khẩn nguyện cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi dân chúng được mạnh khoẻ ấm no như lời khấn tại đàn Thần Nông.

Việc xướng và hành nghi của các lễ sanh cũng giống như các lễ lược tại các làng quê khác từng diễn lễ. Xong lễ (lễ tất), đúng 10 giờ 30 sáng, con trâu tế được khoanh dây sẹo gọn trên đôi sừng rồi thả cho trâu tự do đi ăn mà không sợ thất lạc.

Trong lúc quan khách cùng hương lão địa phương chung vui thân mật, cùng nhau trao đổi những câu chuyện sinh hoạt đời thường, những kinh nghiệm về xây dựng và phát triển hương thôn, thì dân làng tập trung đông nghịt trên bờ Đông sông Hàn để xem những đội thuyền đua đang ra sức tranh giải. Có năm, ngoài những đội nam đua thuyền, cũng còn có những đội thuyền nữ thi thố tài năng cùng với các trò chơi thể thao khác. Đến chiều tối dân làng lại nhộn nhịp tập trung xem hát bội đình làng do hương chức địa phương tổ chức hát hiến giải trí cho dân. Do có truyền thống đua ghe mà làng An Hải từ xưa đã sớm hình thành hai đội thuyền đua nam - nữ khá hoàn chỉnh. Hàng năm không chỉ tham dự lễ hội tại làng mà còn tham dự lễ tại các địa phương khác. Cũng bởi có truyền thống tổ chức hát bội và ưa thích hát bội nên dân làng nô nức đi xem có đến hàng ngàn người.

Điểm đáng ghi nhận là "*Lễ tế trâu*" của làng An Hải Xưa, không giết mổ trâu như "*Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn*", đem con trâu hay, giỏi, mạnh, thắng cuộc xẻ thịt để tế thần linh như tập tục đã định, còn con trâu thua cuộc thì được ung dung sống. Hoặc lễ hội đâm trâu của các dân tộc Tây nguyên, trâu cũng bị giết trong lễ hội.

Ngày nay con trâu không còn tác dụng thực tiễn đối với nông nghiệp, mà chỉ còn là hình ảnh thân thuộc trong dân gian, không còn là biểu tượng nhà nông thủa nào. Việc lễ hội tế trâu của làng An Hải dù đã đi vào dĩ vãng, nhưng những gì mà nhân dân của làng An Hải đã thể hiện, có thể nói mang đậm dấu ấn triết lý nhân sinh quan thức thời về bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc, vẫn còn âm hưởng trong ký ức của các

cụ lão ông, lão bà trong niềm luyến tiếc tự hào mỗi khi kể lại chuyện lễ hội làng quê.

Lễ hội Mọc đồng làng Phong Lệ

Đối tượng suy tôn: Thần nông và trẻ chăn trâu

Địa điểm : Xã Hoà Châu, Huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng

Thời gian : Mùng 1 tháng Tư, hoặc Năm âm lịch

Đặc điểm : Trẻ chăn trâu tổ chức, điều hành; cầu mưa thuận gió hoà.

Gắn với những gì ra đời từ bước chân đầu tiên của lưu dân đến vùng đất mới Phong Lệ (nay là thôn Phong Nam thuộc xã Hà Châu, thành phố Đà Nẵng) này là những phong tục, tập quán được hình thành: giếng mối gắn kết giữa các họ hàng, dòng tộc; giữa con người với thiên nhiên; giữa cái vô hình với thế giới hữu hình là sự thờ cúng tổ tiên, thần linh (dầu thần linh là sự mơ ước, ngưỡng vọng trong tâm tưởng). Nhưng chính những phong tục tập quán như các vị cao niên còn sống và chứng kiến ngày nay đều coi là lễ nghi thiêng liêng thuần Việt. Trong đó Lễ hội Mọc đồng, có khi dân làng gọi là Lễ Rước Mọc đồng, hoặc hát Mọc đồng là sáng tạo dân gian trong một không gian làng xã mà đối tượng đứng ra lo liệu là các mục đồng, dân làng, trẻ em có sự giúp sức của các chức sắc trong làng, không phân biệt đẳng cấp, giàu sang, nghèo hèn, ông chủ hay người làm thuê đều chia sẻ cùng nhau sự náo nức vui tươi. Một nét đẹp văn hoá giàu màu sắc bản địa, đóng góp

vào kho tàng văn hoá văn nghệ dân gian dân tộc, làm nên sự đa dạng, phong phú mang đậm bản sắc vùng, miền.

Phong Lệ xưa còn là một trong những làng quê được coi là nơi nổi tiếng hiếu học và giàu lòng yêu nước, có nhiều nho sĩ, sĩ phu ra ứng thí đỗ đạt và làm quan văn, võ cương trực, không khuất phục, lòn cúi trước kẻ thù và bọn vua quan tay sai phong kiến. Như trường hợp họ Ông, một họ tộc gốc Chăm (Ông, Ma, Trà, Chế, Bà, Bí, La..) là những tộc họ lớn nhất của người Chăm, có mặt sớm nhất (người bản địa) ở đất Quảng Nam xưa. Ông Ích Khiêm là người tại làng Phong Lệ vốn xuất thân từ “giới” chăn trâu, nhưng lớn lên chịu khó học hành, lại vinh hiển qua đường khoa bảng cùng với lòng yêu quê hương tha thiết đã gọi nhàn tư chất là một Ông Ích Khiêm dũng tướng can trường nghĩa khí ⁶, rồi liệt sĩ Ông Ích Đường ⁷, là những nhân vật đã đi vào sử sách về sự dũng cảm hy sinh, xả thân vì nước vì dân, coi cái chết nhẹ như lông hồng, đã để lại tấm gương trung liệt cho con cháu trong làng xã và cho đất nước.

Ngày nay, khi đi ngang qua vùng đất Quảng, đến làng Phong Lệ (nay là Phong Nam) thuộc xã Hòa Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng nếu lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng đến hôm nay âm hưởng thiết tha về một thời kỳ trẻ em chăn trâu có dịp làm chủ làng mình, hội mình và có lẽ cả những ngày sau nữa. "*Nhất Phong Lệ Mục đồng /Nhì Giáng Đông đầu vật*" là một tập tục lâu đời tồn tại trong nhân dân ở

⁶ 1884 – 1932.

⁷ 1890 – 1908. Chí sĩ Lê Bá Trinh, người làng Hải Châu là con rể của Ông Tấn Thiện (Ông Ích Thiện), là anh rể Ông Ích Đường.

đây và đã trở thành niềm tự hào của họ - một niềm tự hào chính đáng - về một phong tục Lễ hội giàu sức sống nhân văn bền chặt ở làng quê yên bình này.

Thường, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức hát Mọc đồng một lần, những năm không hát Mọc đồng thì rước Thần nông. Lễ rước Thần nông bắt đầu tiến hành từ mộ thần (Cồn thần) về đình thờ Thần nông.

Truyện thuyết về Thần Nông:

Tương truyền rằng ngày xưa có một cụ già tóc bạc, râu trắng dài như một tiên ông. Không biết cụ già từ đâu đến ở tại làng. Cụ đặc biệt gần gũi và yêu mến trẻ em chăn trâu và cụ cũng thường được trẻ em chăn trâu săn sóc nâng niu kính trọng như người thân thích. Lại nữa, kính trọng cụ vì cụ nói những điều linh nghiệm!

Về sau, tuổi già sức yếu, ông cụ chết tại một gò đất mà sau đó trẻ em chăn trâu gọi là cồn Thần. Trẻ chăn trâu mai táng cụ, đắp cho cụ một nấm mộ. Mặc dầu cụ mất nhưng hằng ngày trẻ em chăn trâu thường đến gò chăm sóc mộ cụ, tỏ lòng thương tiếc cụ. Trẻ em chăn trâu nào có trâu đi lạc đến mộ nhờ cụ, khẩn vái cụ vài lần, sau đó trâu sẽ trở về, khỏi phải đi tìm. Từ đó trở đi, trẻ em chăn trâu tin vào những linh nghiệm của cụ, tiếng đồn gần xa lan truyền đến người lớn - nhân dân - và sau đấy thể theo linh ứng của cụ, người dân làng Phong Lệ mở hội rước Thần nông về làng Phong Lệ⁸.

⁸ Chính thể mà trong câu hát gọi bò của trẻ em chăn trâu ngày trước ở làng Phong Lệ có nhắc đến Thần nông:

... Chớ nhảy băng đồng
Thần nông văn hòng...



Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ (Ảnh VVH)

Theo năm tháng, gò có mộ Thần nông trẻ em chăn trâu gọi là Cồn Thần⁹, địa danh này hiện còn ở Xóm Đồng (Phong Nam, Hòa Châu, Hòa Vang). Quá trình xuất hiện Thần Nông còn được kể rằng:

Ngày xưa có vị Thần nông giáng xuống gò, tay cầm cò, thường hay dạo chơi thân mật với trẻ em chăn trâu khắp đồng. Dân làng truyền nhau gò rất thiêng, ai qua đấy nếu quở, về nhà sinh bệnh mà chết, phải có lễ khấn vái mới qua khỏi. Người nào ngồi lên mộ thần là bị dính vào mộ không sao có thể gỡ được, cũng phải làm lễ xin mới được tha. Có người còn cho rằng hiện tượng trên chỉ xảy ra với người làng khác đến, còn với người làng

⁹ Cồn Thần có nền đất tự nhiên, trước đây như một cái gò, cây lá mọc um tùm, nhô ra đồng ruộng, trên cồn có một tảng đá màu trắng, mặt nghiêng rộng 3-4 m², cồn thần giáp với làng Đông Bàu.

Phong Lệ thì không, đặc biệt trẻ em chăn trâu thì không xảy ra việc gì. Vì những lý do trên nên gò Thần nông đến nay vẫn quang đãng và trở thành nơi tụ tập chơi đùa của trẻ chăn trâu, đồng thời cũng là nơi dùng để rước lễ Thần nông.

Và cũng trên địa danh Cồn Thần này, ngày xưa là một vùng gò nổi lên giữa cánh đồng ở Xóm Đồng, chỉ toàn cỏ dại tươi tốt, nơi trẻ chăn trâu thường mỗi chiều dong trâu, bò tụ tập lên đây thả rông gặm cỏ, còn chúng thì bày trò vui chơi đánh cù, nhảy dây, đuổi bắt, chơi u, hát đố nhau vô tư, huyên náo. Vào mùa lũ lụt, sau những ngày mưa lớn, cánh đồng ngập trắng nước, Cồn Thần hiện lên như một ốc đảo nhỏ nhoi, chim cò bay lượn rồi đảo cánh đáp xuống trú chân. Các trẻ chăn trâu càng vui sướng cỡi trâu lên đây tránh nước, có dịp thi thố trò chơi, dùng nón lá làm thuyền, dùng bẹ chuối, mo nan kết bè thả trôi, hè nhau bơi lội, tát nước lên nhau, rồi leo lên tảng Đá Thần. Tảng đá duy nhất ấy ở Cồn Thần cũng là hiện tượng lạ, được tương truyền rằng: *Bất kỳ những ai đến đây vô tình ngồi trên tảng đá, tự nhiên bị dính chặt không đứng dậy được. Có những đàn vịt đi ăn trên cánh đồng, khi leo lên tảng đá đứng rĩa lông, hoặc chỉ băng qua là hai chân như dán chặt vào mặt đá. Khi những tình huống linh thiêng ấy xảy ra như thế, thì chỉ có cách là người nhà đem hương đèn, lễ vật đến khấn vái, xin thần, xong người và vật được trở lại bình thường, yên lành ra khỏi nơi đấy. Duy chỉ có trẻ chăn trâu và những con trâu, con bò thân thiết của chúng hằng ngày đến đây không việc gì.*

Tảng Đá Thần ngày nay vẫn còn tro gan cùng tuế nguyệt. Thời gian, mưa nắng khắt nghiệt, tảng đá có xê dịch quanh đó, do bà con trong làng lên đây tranh thủ tận dụng chút đất màu mỡ trồng tía vài thứ rau, bắp. Nhưng tảng Đá Thần luôn là hiện vật được dân làng tôn trọng, hương khói mỗi dịp lễ, tiết, nhất là trong

những ngày lễ trọng như Lễ hội Mọc đồng, rước Thần nông diễn ra, các chức sắc dân làng và trẻ em chẵn trâu được thể hiện, bày tỏ lòng thành kính của mình trước những sự tích và di vật còn hiển hiện trên đất làng và trong tâm thức của họ.

Việc rước lễ Thần nông chủ yếu do trẻ em chẵn trâu chủ sự, có sự giúp sức của các chức phái tộc và lực lượng ngũ hương trong làng¹⁰.

Hàng năm vào tiết tháng 4, tháng 5 ngày 01 âm lịch là tổ chức rước lễ. Để chuẩn bị cho ngày này, làng Phong Lệ giao nhiệm vụ cho những trưởng chức phái tộc trong làng và những người cày ruộng công quân cấp lo làm kiệu, cờ, lồng đèn, hoặc vận động những gia đình khá giả ủng hộ cơm, nếp, gà, vịt...cho lễ hội. Phần lớn vận động trên tinh thần tự nguyện là chủ yếu. Trẻ em chẵn trâu được cất cử, tổ chức thành nhóm lo mọi công việc từ rước lễ, ăn uống, dọn dẹp...rất có quy cũ, trật tự.

Cờ kiệu làm xong, theo quy định của làng mang ra đình Thần nông bình phẩm, chằm chọn, xếp loại khen thưởng trước khi tham gia lễ hội. Kiểm tra xếp loại khen thưởng xong, cờ kiệu và các phẩm vật khác được mang đến mộ Thần nông tiến hành lễ theo ngày giờ quy định, thành tâm rước thần về đình thờ. Trẻ em chẵn trâu trong những ngày này được coi trọng, người lớn tuổi cũng phải phục vụ hết mình, xem như là nhiệm vụ phải thực hiện mà không câu nệ, phân biệt giai tầng trong làng xóm. Trẻ chẵn trâu rất vui và phấn kích trong những ngày này, xem đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của giới mình nên tất cả trẻ chẵn trâu trong làng được huy động tham gia lễ hội không trừ một ai.¹¹

¹⁰ Hương mục, hương thân, hương lý, hương kiểm, hương bộ.

¹¹ Xem truyện tại phần phụ lục để hình dung được niềm vui của trẻ mọc đồng làng Phong Lệ trong những ngày dự hội.

Tam niên nhứt lệ, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức rước Mực đồng một lần vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu. Chủ yếu của lễ là rước kiệu Thần nông dạo chung quanh cánh đồng của làng Phong Lệ. Thời gian rước 2 ngày 3 đêm, đêm thứ 3 sau lễ rước là hát Mực đồng.

Sau lễ rước Thần về đình Thần nông, an vị xong là khai châu mở hội vui chơi bằng hình thức hát giao tuồng (hát bội) nhân đó, người làng Phong Lệ còn gọi đêm hát là *Hát Mực đồng*.

Lễ rước Thần Nông về làng Phong Lệ

Năm 1985, trong đợt điền dã về quê hương của “Phong Lệ Mực đồng” đã từng tổ chức những đêm rước mực đồng lay động dân làng và dân tứ lân đến xem, theo lời kể của cụ Ngô Tấn Nhã (nay cụ đã qua đời) người làng Phong Lệ đã từng nhiều lần tham gia giữ vai trò Tư lễ của làng, giúp làng tổ chức các buổi hành lễ tế đình, miếu, âm linh..., Thần nông và các nghi lễ khác tại các di tích thờ phượng thần linh tại làng,¹² cho biết rằng mặc dầu sinh thời cụ không phải trẻ mực đồng, song lại biết rất rõ vì thời thanh thiếu niên cụ có chứng kiến nhiều lần làng Phong Lệ tổ chức rước Mực đồng và qua cụ, ngày nay có thể hình dung ra được toàn cảnh một cuộc rước Mực đồng tại làng Phong Lệ xưa. Thêm, các cụ Ông Văn Hoá (91 tuổi), Ngô Tấn Thanh (85 tuổi), Ông Văn Từ (85 tuổi), Ngô Xám (75 tuổi), cụ Lê Kim Chúc (86 tuổi)... Trong số đó, cụ Lê Kim Chúc là một Trùm chỉ đã từng cầm roi giữ trật tự trong đám rước năm 1936 (Bính Tý), cách đây 72 năm kể lại trình tự cuộc rước như sau:

¹² Theo truyền thuyết, Thần Nông là vị hoàng đế Trung Hoa, dạy dân làm ruộng, chế tác công cụ lao động gồm cày, bừa, cuốc, xuống, vò... Từ thời nhà Hán du nhập vào Việt Nam tục cúng Thần Nông. Tùy theo vùng, có nơi không làm miếu, có nơi dựng miếu để thờ. Làng Phong Lệ không làm miếu thờ Thần Nông mà thường cúng hoặc rước Thần Nông tại Cồn Thần về đình Thần Nông, sau đó mới tổ chức dọn cỗ bàn cúng Thần.

Đề rước Thần nông về đình làng, đoàn rước khiêng kiệu, mang cờ từ đình Thần nông về Cồn Thần làm các thủ tục cổ truyền. Sau khi tin chắc rằng tại Cồn Thần, Thần nông đã giáng xuống và ngự tại kiệu Thần, đám Mọc đồng do 4 em trẻ, khoẻ khiêng kiệu rước Thần về đình làng an vị dâng hương đánh lễ. Đề rước Thần nông về đình, đầu tiên là rước kiệu và cờ Mọc đồng dạo quanh đồng làng Phong Lệ. Tham gia lễ rước có hai hàng cờ, mỗi hàng 13 cây kèm theo cờ của làng, cờ các chư phái tộc và các loại lồng đèn. Lồng đèn phần nhiều là loại hình bánh ú màu trắng, vàng. Chọn 52 mọc đồng mạnh khoẻ, luân phiên cứ 2 người thay nhau cầm 26 cây cờ Mọc đồng và cờ làng. Cờ, có cờ vuông, cờ đuôi nheo. Việc làm cờ, làm kiệu được phân chia cụ thể cho các chư phái tộc trong làng Phong Lệ. Họ nào cũng phải góp nhân tài vật lực vào ngày hội của làng, qua các công đoạn làm cờ, kiệu cũng có phong trào thi đua tốt, xấu, vì thế nên tộc họ nào cũng cố gắng làm thật đẹp, sao cho nổi trội hơn hết để được chấm có giải. Ý nghĩa nhất vẫn là lời khen của các chư phái tộc trong làng là niềm vinh hạnh cho họ, bởi tất cả đều thành tâm phục vụ Thần nông, mong Thần giúp đỡ cho ngày mùa ăn nên làm ra. Lời khen là niềm tin sinh động cho một năm cày sâu cuốc bẫm trên thửa ruộng quê nhà.

Cờ Mọc đồng màu đỏ có tua vàng, cán dài 4 mét, (7 thước mộc, theo cách tính Lỗ Ban), đỉnh cán vạt thành lưỡi giáo nhọn hoặc chiếc sừng trâu đưa lên trên. Trang trí từ trên xuống dọc theo cán cờ gồm nhiều tầng: trái găng, hoa bằng tre vót thành tua nhỏ, nhuộm màu xanh đỏ. Bộ tứ linh long, lân, quy, phụng làm bằng vải hoặc bằng giấy màu rực rỡ, có móc những mảnh giấy bạc lấp lánh treo lên cán cờ. Một con rồng uốn thân ngậm

vào đầu lá cờ. Người xem trông vào lá cờ đã thấy công phu, nhất là các công cụ, dụng cụ trong sản xuất và sinh hoạt như cày, bừa, cuốc, liềm, rựa, gàu, thúng, mủng, rổ, rá... được làm bằng tre, gỗ thu nhỏ mắc lủng lẳng trên cán cờ... chứng tỏ có sự chuẩn bị công phu và khéo tay, có sự sáng tạo và dồn sức cả tháng rất chu đáo. Về lồng đèn thường là lồng đèn kéo quân, bánh ú có chức năng soi sáng về đêm và tạo cho cảnh trí đêm rước Thần Nông thêm đẹp, lộng lẫy.

Trong lộ trình rước Thần, cờ Mực đồng đi sau kiệu Thần nông, kèm trước và sau là hai hàng lồng đèn và hai hàng giáo mác. Những người khiêng kiệu, cầm cờ, cầm giáo đầu đội nón dẫu (nón gỗ), lưng thắt một dải lụa điều.

Cắt cử 2 người phụ trách khiêng trống. 2 người phụ trách khiêng cỗ, 4 mực đồng khiêng kiệu Thần.

Hai Trùm mực (trùm bành) chỉ huy cuộc rước Thần, 2 Trùm chỉ (Trùm phụ) giúp việc, trông coi trật tự. Trông dáng vẻ mực đồng và các vị trùm rất vui, oai vệ. (Nay còn cụ Lê Kim Chúc 86 tuổi đã từng tham gia làm Trùm chỉ đợt rước Thần nông trong Lễ hội Mực đồng lần cuối cùng vào năm 1936.)

Đi đầu là một vị Trùm bành (còn gọi là Trùm mực), tay cầm phèng la (sênh) đánh hiệu lệnh hai tiếng kép, một tiếng đơn lẻ. Thường, Trùm bành đánh một hồi dài và lại ba tiếng lẻ, rồi cứ thế ba tiếng lẻ đánh dồn dập, thúc bách. Giúp việc cho Trùm bành còn có Trùm chỉ, và Trùm phụ lo việc sắp xếp hàng ngũ, nhắc nhở nhau khi rước Mực đồng dạo trên cánh đồng. Theo sau kiệu là đàn trẻ em chẵn trâu, mặt mày lúc nào

cũng tươi vui tỏ mở. Đây là lực lượng được coi trọng nhất trong lễ hội. Không ai mở miệng rầy la trẻ em chẵn trâu trong những ngày này. Giới chẵn trâu phát huy được tinh thần làm chủ của giới mình trong lễ hội.

Sau ba tiếng trống lệnh báo hiệu, Trùm bành đi đầu đồng dục xướng:

-Hô chúng Mục đồng Phong Lệ ta, rước vua Thần nông về đồng Phong Lệ ta¹³.

Cả đoàn trẻ em chẵn trâu và cả những người đi theo xem hội rước kiệu Mục đồng đều đồng thanh hô đáp:

-Giả hạ! Giả hạ!

Trùm bành lại hô tiếp:

-Xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận phong điều. Mừng reo một tiếng !

Cả đoàn người đi theo đám rước trên cánh đồng Phong Lệ đồng thanh hô theo:

-Giả hạ ! Giả hạ !

Trùm bành lại xướng tiếp:

-Tiếng của mừng reo !

¹³ Về lời hô này, chúng tôi có gặp một bản khác hô như sau: "...Rước vua Thần nông về làng Phong Lệ ta..."

Cả cánh đồng lại hô đé theo trâm hùng như một dàn hợp xướng, âm thanh dội lên liên tục một hồi lâu. Âm thanh... h...ạ...kéo dài vang xa, thúc giục.

-Giả hạ...ạ...ạ! Giả hạ...ạ...ạ!

Tiếng hô kéo dài lan tỏa sang các làng lân cận. Đoàn rước vừa đi, hai hàng cờ nhào lộn trên cánh đồng khô quang đãng, cờ tung bay trong gió nhộn nhịp, thanh bình, nghiêng qua đảo lại, nhịp nhàng. Hai hàng giáo mác nghiêng bên này, đỡ bên kia cổ vũ mãi không thôi. Một quang cảnh thật vô cùng náo động, ngoạn mục.

Đi kèm đám rước có đội chinh cổ nhạc và phường bát âm hòa lên vang động khắp đồng, len vào tận lũy tre làng náo nức. Tất cả âm thanh trong lễ hội làm nức lòng già trẻ, gái trai không chỉ làng Phong Lệ, mà còn lan tỏa, kích thích những làng bộ chung quanh từ dưới lên như Lỗ Giáng, Liêm Lạc, (Hoà Xuân); trong ra như Trà Kiếm (Hoà Phước), các làng thuộc xã Điện Phương (Điện Bàn); ngoài vào có Cẩm Lệ, Bình Thái (Hoà Thọ), Quá Quê (Khuê Trung), Đông Phước, Nghi An (Hoà Phát); trên xuống có Cẩm Hoà, Cẩm Bình, Cẩm Toại (Hoà Phong), Phước Thuận (Hoà Nhơn), Khương Mỹ (Hoà Khương), Yên Nê, Lệ Trạch (Hoà Tiên)... cũng bốn ba kẹp nón đi từ sớm về Phong Lệ dự xem lễ rước Thần nông. Lễ rước dạo đi khắp nơi, không chỉ trên cánh đồng làng mà còn cả trên khắp các đường làng, đường cái quan của làng Phong Lệ.



Mục đồng làng Phong Lệ (Ảnh VVH)

Đoàn rước đi đến đâu, lời hô vang lên đến đó, người này hô chưa dứt thì người khác đã nối theo. Đoàn cờ Mục đồng lại chạy lượn vòng tới lui, quanh đi lộn lại trước Cờ Thần và trên khắp cánh đồng Phong Lệ. Tiếng phách gõ nhịp lại vang lên, đám rước diễu hành đến đâu, đám đồng người tham dự và xem lễ kính cẩn giạt ra đến đấy. Trên cánh đồng trơ trụi vừa thu hoạch vụ mùa còn bao phủ hơi lạnh sương đêm, thế mà làn sóng người đổ ra bốn phía mỗi lúc một đông. Trời hừng sáng, mây bó đuốc vác theo dự trữ cũng đã tàn gần hết. Các Trùm chỉ, Trùm phụ không ngại vất vả chạy đi, chạy lại ổn định trật tự, các em nhỏ xem hội chen lấn, xô đẩy nhau dang ra bằng những ngọn roi đe dọa vun vút, trót trót. Tiếng trống, tiếng chiêng cùng với âm nhạc dìu dặt, chốc chốc lại rộ lên những lời hát đồng dao

“hả hê” như làm tăng thêm sự lôi cuốn mời mọc nhưng cũng gợi lên nỗi lòng của giới Mục đồng:

*“Người ơi đừng đánh tôi đau
Để tôi tát nước, giữ trâu người nhờ...”*

*Em ơi! Hãy nín đi em
Kẻo bị đánh nửa thoi thì em đau
Em đau, chị cũng buồn rầu
Bé mồm, bé miệng, kêu đau bây giờ!*

*Em tôi buồn ngủ, buồn nghe
Buồn ăn cơm nếp, cháo kê, thị gà.*

*Cu Tí là con nhà ai?
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều..v.v...*

Lễ rước Mục đồng năm 1936 (Bính Tý) đông đúc, vui nhộn đến tàu lửa cũng ngưng nhà khói, dừng lại để xem, đồng thời nhường đường cho đám rước đi ngang qua đường sắt (cầu Đỏ), thể hiện sự tôn trọng đối với đám rước của lễ hội Mục đồng. Có lần vợ viên Bộ chánh tỉnh Quảng Nam ngồi võng cho người khiêng đi ngang qua cánh đồng đang giờ rước lễ, trẻ em chặn trâu ra lệnh xuống võng, bà này không y lệnh, liền bị Trùm phụ, Trùm chỉ quát bừa, trẻ Mục đồng vây lấy võng, y thị phải bỏ võng tháo chạy. Về đến nhà y thị làm mình làm mẩy trách quan: “Sao đám trẻ con dám ngang ngược vợ của quan làm vậy?”. Viên Bộ Chánh trả lời: “Việc của cả làng, đến tôi cũng phải xuống xe, xuống ngựa, sá gì bà. Phép vua thua lệ làng, bà không biết sao!”

Đoàn rước diễu hành qua cánh đồng, theo đường làng tiến về đình Thần nông. Bấy giờ mặt trời đã lên cao quá nửa ngọn tre, chỉ còn một đoạn công hương nữa là về đến đình đúng giờ Ty

(chùng 10 – 11 giờ). Khi đám rước vào cổng đình, trong sân chật cứng người ta đang chờ đây. Hầu hết là những người đội lễ vật đến cúng, nên ai nấy đều khăn áo chỉnh tề. Nhóm mục đồng cảm nhận rất vui nhộn, hả hê khi thấy bà con cả làng kể cả những ông bà chủ hộ trâu bò, ai nấy đều tôn trọng ngày lễ đặc biệt của giới chăn trâu này. Thực sự như vậy, lễ rước trên đường đi nếu gặp viên quan chức sắc nào chẳng nữa cũng phải tránh ra một bên để cho đám rước đi qua chứ không thể cậy mình quan to, chức lớn mà nghênh ngang hống hách được. “Phép vua thua lệ làng” là như thế đó. Nếu chẳng may gặp phải những vị quan hay vợ quan tỏ điều cho mình “Phụ mẫu chi dân” lên tiếng nạt nộ, thị uy xúc phạm thì giới mục đồng lại thể hiện “Nộ khí xung thiên”, dù biết rằng sẽ phải rước hoạ vào thân. Cho nên ai được cử đến làm quan vùng này thầy đều phải biết tôn trọng cuộc lễ của đám người nghèo mạt, quanh năm cơ cực, phải 3 năm mới có được ân huệ một ngày.

Sau mỗi đêm rước Thần nông, cờ được đem về cắm hai hàng ở đình Thần nông. Đèn đuốc được thắp sáng suốt đêm. Đội giáo tuồng khăn trương chuẩn bị cho công việc diễn hát trong những ngày sắp tới. Bên ngoài khuôn viên đình Thần nông người đông tập nập, hàng quán được dựng lên bán nhiều món ăn nhà quê, dân dã. Các trò chơi giải trí hoặc lấy hên xui qua các loại bài: tào cáo, xóc đĩa... diễn ra tấp nập.

Ba ngày rước Thần nông người đông như hội, có người từ trên nguồn xuống, từ trong ra, biển lên, ngoài vào tụ lại tại làng Phong Lệ để coi rước lễ.

Đêm thứ 3 mới là đêm chính thức rước Thần nông. Giờ Tý xuất hành từ đình Thần Nông, đi giữa là kiệu, hai hàng giáo mác hai bên, đến chiêng, trống, nhạc bát âm. Đoàn người đến mộ Thần

nông (Cồn Thần) khoản giờ Mẹo. Trùm bành còn gọi là Trùm mục (thường là Lý trưởng làng) đứng ra thay mặt đám rước và tinh thần người làng Phong Lệ gieo âm tín bằng hai đồng tiền để biết rằng Thần đã giáng hay chưa. Khi hai đồng tiền thấy lên rơi xuống, một đồng sấp, một đồng ngửa (gọi là xin keo), vị chủ lễ cảm nhận rằng Thần đã giáng rồi, một hồi thanh la nổi lên, Trùm phụ, Trùm chỉ lo việc sắp lại hàng ngũ cho được chỉnh tề, trang nghiêm. Trống lệnh (cổ) cất lên, kè là ba hồi chiêng trống và phường nhạc cổ bát âm tấu lên, thường là bát âm với điệu Kim tiền phấn khởi, mừng vui, rồi nhạc chuyển dần sang điệu Lưu thủy trang nghiêm.

Hiệu lệnh ba tiếng thanh la gõ lên là báo hiệu sẵn sàng. Vị Trùm bành xướng lớn:

-Rước vua Thần nông về đồng Phong Lệ ta !

Cả đoàn người hô theo:

-Giả hạ !...

Trùm bành xướng tiếp:

-Hô chúng Mục đồng Phong Lệ ta ! Xin cho tốt lúa tốt gieo, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng !

Đoàn mục đồng hợp xướng reo to:

-Giả hạ...ạ....ạ...! Giả hạ...ạ...ạ...!

Tiếng reo lại tiếp tục vang xa âm hưởng trầm hùng phấn chấn hàng ngàn người dự hội. Đoàn người từ mộ Thần nông di chuyển về đình thờ Thần nông, đoàn Mục đồng nối theo nhau diễn qua đồng làng tiến dần về hướng đình. Tiếng phèng la, tiếng trống cái,

trống lịnh, trống con cùng hòa với đội nhạc cổ bát âm tạo nên một không gian lễ hội hoành tráng.

Tiếng "*xập xả*" đều đều gây nên ấn tượng nhịp nhàng sắc nhọn. Suốt cả đêm, đoàn rước Thần đi suốt cánh đồng Phong Lệ, không có một đám ruộng nào mà đám rước Thần không đặt chân đến. Kiệu Thần đi vào thửa ruộng nào, chủ nhân của ruộng cho là có hên lắm, Thần sẽ giúp để có một mùa bội thu. Do đi khắp đồng nên đoàn rước Thần về đến đình là sắp bước sang đầu giờ Dần (tờ mờ sáng hôm sau). Ngay tại sân đình cử hành lễ an vị. An vị xong là lễ vọng. Đang khi lễ vọng tiến hành thì vị Hội chủ sắm cho trâu bò hoặc heo làm vật hy sinh,¹⁴ chuẩn bị giết để tế Thần cầu xin cho năm đến làng Phong Lệ được mùa, no đủ, vũ thuận phong điều. Trong lễ tế Thần, văn tế có đoạn viết: "*Khắc xương khuyết hậu, hữu khai tất tiên, thiệt vì dân thiên minh triêu vu dĩ tọa cả...Điền vô bách bá, hân hách cốc chi dụng thành, hỷ kim canh tác phàm manh.*".

Đoàn rước dừng lại trong sân đình. Kiệu Thần được đặt ngay giữa gian chính điện. Vị chủ tế cung kính mang bài vị Thần nông đặt vào bàn thờ trong đình. Phẩm vật đánh lễ có đến trăm khay xôi đây đặn, mỗi khay kèm theo một con gà luộc được bày trên các bộ phận hai bên gian tả hữu đình được đưa lên các bệ thờ chính điện, tả hữu tế Thần.

Sau lễ tất, phẩm vật được bày biện trên ba hàng chiếu hoa từ trong ra đến hiên đình. Hàng chiếu hoa gian chính điện gồm các thành phần viên chức, ngũ hương, các bậc bô lão, những người cao niên trong làng ngồi dự. Hai gian tả hữu dành riêng cho trẻ mục đồng hưởng "lộc huệ" của thần, được quyền "ăn nói, vui

¹⁴ Nếu hạ hai con vật để tế thần, dân làng gọi là con *hy* con *sinh*, nếu chỉ hạ một con gọi chung là con *hy sinh*.

cười” mà trong đời họ bắt quố cũng chỉ đượ một vài lần tham dự lễ với tư cách là mục đồng đã là nhiều lắm rồi. Trong vui chơi ăn uống, trẻ mục đồng trao đổi, tuyển chọn những mục đồng lớn tuổi, cầm cờ khoẻ, múa hay, biết võ nghệ, biết hò khoan đôi đáp đôi câu đố đến chiều tan tiệc, sang Hoá Động (Hoá Giáng, Giáng Động, Giáng Đông) cạnh làng Phong Lệ để tham gia “đấu vật” truyền thống Giáng đông đấu vật đượ tổ chức cùng một dịp với Lễ hội Mục đồng. Chính vì lễ đó, đến Phong Lệ ta gặp thành ngữ quen thuộc gắn liền hai lễ hội cùng một thời điểm là “*Phong Lệ Mục đồng/ Giáng Đông đấu vật*” là vậy. Sau mấy hiệp đấu vật, trời chiều đậm trên lũy tre làng, họ lại nuôi tiếc chia tay nhau trở về với những tháng ngày cũ, trở về với thân phận chẵn trâu, có người vừa chẵn trâu, vừa là đây tớ ở đợ làm thuê giúp việc cho nhà chủ. Tại nhà chủ, tiếng cười chua chát lại có dịp cất lên. Hãy nghe:

*Ve ve bắt về đây tớ
Tôi ở với cậu mợ một năm
Cậu mắng, mợ chửi, tôi ã nhịn thua
Nói ra chỗ dại, nói lại ra chỗ cơ cầu
Công thường lờng gạo
Cơm nấu một bữa nửa niêu
Tôi ở với cậu mợ không phải ở năm ở đời
Cậu mợ sợ tiếng đờn thay
Cho tôi ở mướn cầm cày đầu năm
Chưa chi, cậu mợ ã rõ tiếng tằm
Trâu leo bờ ruộng, cậu ngăm đánh đờn
Về nhà mợ hỏi căn do
Trâu leo bờ ruộng, đập đờn hay tha?
Tôi là con thiếu mẹ cha
Cho tôi ở mướn tính ra từng đồng*

Cái om⁽¹⁵⁾ bằng cái trụng công
Vừa một nắm thóc bở ông chủ nhà
Cái trách⁽¹⁶⁾ bằng cái hột gà
Hết một nắm mắt, bở bà chủ ôi!
Nồi niêu chưa bắt đà sôi
Chưa dân đà chín ba ông Táo bao mất phần
Nhị đói, nhịn khát là thằng giữ trâu
Dầm mưa giải nắng biết đâu cơ hàn
Ai cho mi đội nón nang
Mi ở với chàng cực khổ lắm thay (?)
Miếng xôi, miếng bánh bung ngay vô buồng
Lại thêm áo rách hai tay
Lại thêm nón rách bay đi lạ lùng
Bay đi tứ xứ ông đông
Bay quanh bay quất, bay vô nhà này
Nhà này tội ác lắm thay
Miếng xôi, miếng bánh bung ngay vô buồng
Ăn rồi tức bụng thành chương
Mấy thằng đón ghé¹⁷ không thương vô cùng
Sớm mai ngủ dậy cái mặt chùng bùng
Cậu mắng, mợ chửi, anh hùng gớm ghê
Còn ba bữa nữa tôi về
Hỏi thăm cậu mợ đã thuê đũa nào
Trăng lên đà xế ba sào¹⁸
Cậu mợ bắt tôi vác ách chạy vào chuồng trâu
Những cứt, những đái nó vung đầy đầu

¹⁵ **Cái om** = như cái trã, cái trách nhưng nhỏ hơn, thường gọi là om một, chỉ nấu được một lon gạo.

¹⁶ **Cái trách** = như cái trã nhưng nhỏ hơn.

¹⁷ **Nghé**: con bê con, trâu con.

¹⁸ **Xế ba sào**: bằng ba cây sào.

Tôi xưng tôi chửi trâu bĩnh, ghé bầu nhà
hoang
Con nào nằm tĩnh nằm tang
Con đen, con đỏ, con vàng lột da
Con căng trống bẳng, con xây trống châu
Cái đầu thì nộp cho vua
Xương sườn xương sống thời mua cho làng
Cặp sừng vào lược, vào đàn bán chơi
Ca lí lê lí lách ⁽¹⁹⁾ về trời thăm viếng mẹ cha
Hai hàng nước mắt tuôn ra
Phân tôi đi sớm về trưa
Vác cày cùng bừa đã mỗ hai vai
Thuê tôi quan một, quan hai
Tôi không ở nữa, tôi đòi năm quan
Cậu mợ giữ chiếu lên nằm
Bắt tôi xay lúa, tắt đèn tối tăm
Xay giã không hết mần răng⁽²⁰⁾ tôi chừ
Bà chủ có nấu một niêu khoai từ
Đổ ra nghi ngút lại kê cái dưng
Thức dậy bà ra chia phân
Mấy thằng đón ghé, củ thâm về mày
Phen ni không ăn khoai từ
Cảm ơn trâu Bĩnh ghé Bầu ⁽²¹⁾
Trận này là bỏ, mai về xứ qua
Cậu mợ nấu cháo đậu kê
C...to, l... nhỏ, anh về xứ anh ²²

¹⁹ Ca lí lê lí lách: âm thanh từ chiếc sừng trâu khô, trẻ em chẵn trâu dùng làm kèn thổi mà phát ra. Đôi khi mục đồng chụm hai tay lại nén hơi thổi vào tạo nên tiếng kêu tu hú ,tu hú tu..., tu hú, tu hú tu... để gọi nhau trong lúc chẵn trâu.

²⁰ Mần răng = như làm sao, làm răng. (phương ngữ)

²¹ Trâu bĩnh, ghé bầu = tên con trâu, con ghé.

²² Hiện nay bài về đã lưu hành nhiều nơi trên đất Quảng.

Sau lễ rước Thần nông về đồng Phong Lệ, dân làng như được tiếp thêm sức mạnh, tin tưởng hẳn lên vì có vua Thần nông giúp đỡ cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng no đủ. Theo sau lễ rước Thần là mùa lúa đến, nhân dân làm lễ "hạ điền", sau một tháng gieo cấy xong lại có lễ "thượng điền", đây là thời kỳ nông nhàn của nông dân. Sau vụ gặt mùa lúa chính, nhân dân Phong Lệ nói riêng và Hòa Vang nói chung có lệ cúng "com mới", "xôi mới" dâng lên tổ tiên ông bà.

Xứ Quảng Nam là vùng nông nghiệp, nên sinh hoạt văn hoá, vui chơi, hội hè tế lễ đều gắn bó, liên quan đến nghề nông luôn được xem trọng. Lễ hội Mục đồng ở làng Phong Lệ ngày trước là một trong những hình thức coi trọng nghề nông. Thông qua lễ rước Thần nông, vị thế người nông dân được nâng cao cùng với giá trị lao động và sản phẩm của họ làm ra. Hệ tư tưởng phong kiến thường xem khinh những người lao động nặng nhọc, trong đó lao động chân lấm tay bùn không loại trừ, mà hạng thấp nhất trong giới chân lấm tay bùn này là giới chẵn trâu. Vì thế, có bao giờ giới chẵn trâu được ngồi tại đình làng trong những ngày lễ hội! Vậy mà đến làng Phong Lệ trong những ngày rước lễ Thần nông, trong hoàn cảnh lễ hội Mục đồng mới thấy trẻ em chẵn trâu được xem trọng, được phục vụ, được tổ chức, có quyền phát huy quyền làm chủ, làm người, quyền được nói lên tiếng nói bình đẳng chính đáng của mình trước làng; quyền được ứng xử của giới mình trong việc điều hành công việc là thế nào! Điều này nói lên vị trí của người nông dân lam lũ và trẻ em chẵn trâu trong ước mơ cải bỏ giai cấp trong xã hội phong kiến đương thời là có thật.

Đây là lễ hội hình thành từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước mang tính nhân văn cao cả, nét đẹp văn hoá ở các vùng quê. Không chỉ cầu mưa thuận gió hoà, cầu cho quốc thái dân an và tưởng niệm, tri ân các vị tiên bối, có công khai cơ lập nghiệp mà còn tưởng nhớ những người đã vì làng Phong Lệ mà hy sinh bản thân mình cho sự trường tồn của con dân Phong Lệ nói riêng và nhân dân xứ Quảng nói chung.

Lễ hội Mọc đồng được kết tinh qua truyền thống yêu quê hương, đất nước mang yếu tố cộng đồng, đan xen yếu tố tâm linh, tín ngưỡng dân gian địa phương. Lễ hội Mọc đồng tại làng Phong Lệ là một biểu hiện vươn lên làm chủ của giới chần trâu. Mô típ lễ hội ít thấy diễn ra ở nơi khác, mà bản chất của sinh hoạt này là tính cộng đồng, nhân bản được giữ gìn trân trọng. Làng Phong Lệ, nơi xuất thân cự tộc họ Ông với những nhân vật họ Ông nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Ông Ích Khiêm, Ông Ích Đường, Ông Thế Đính, Ông Văn Long, Ông Ích Thiện (Tán Thiện), Ông Ích Nhì (Tán Nhì), Ông Ích Mén... xuất thân từ nghề làm nông, là những nông dân có đời sống không phải giàu sang, nhưng ham học, yêu nước, gắn bó với làng, hơn nữa đây là đất bản địa của dân tộc Chămpa có từ trước đó hàng chục thế kỷ. Có lẽ vì thế mà có nhà nghiên cứu lễ hội này cho rằng Lễ hội Mọc đồng có ảnh hưởng hoặc xuất phát từ văn hoá Chăm. Điều này cho đến nay chưa có kết luận nào cụ thể.

Lễ hội Rước Mọc đồng là một lễ hội hiếm, riêng biệt so với cả nước được tổ chức 3 năm một lần tại làng Phong Lệ. Đây là một điểm son loé sáng hồn nước vào thời phong kiến, thực dân đầy áp bức bóc lột. Lễ hội Rước Mọc đồng xứng

đáng được tôn vinh, lưu truyền và phục hồi, bảo tồn trong cư dân và trong làng, vì những di tích, những kiến trúc đình, miếu mang nhiều sáng tạo độc đáo, vẫn còn đó, nhưng đã và đang xuống cấp, hư hại. Những câu chuyện kể đẹp như truyền thuyết sống âm ỉ trong tâm thức từ người già đến thế hệ trẻ hôm nay.

Hát Mọc đồng

Sau Lễ Rước Thần nông lại có hát giáo tuồng, ở làng Phong Lệ trong quy trình này gọi chung là *Hát mọc đồng*. Hát làm tăng thêm tinh thần cho ngày hội ở làng Phong Lệ, góp phần hình thành một phong tục mới mang sắc thái địa phương vùng đất Quảng. Đây là một tập tục lâu đời còn ghi dấu ấn lại đến nay. Yêu cầu để có hát bội thường nhắm vào các chủ điểm: làm đình, chùa xong không xảy ra sự cố gì thì hát mừng. Hoặc, khẩn cầu việc gì đấy cho làng về sau có kết quả thường tổ chức hát để " tạ", cũng được xem là hình thức trả lễ cho lực "lượng siêu nhiên". Cũng có khi đến lệ thì hát, cứ vài ba năm tổ chức một lần, cứ vậy theo lệ, lặp đi lặp lại trong nhân dân. Ở làng Phong Lệ hát bội sau Rước Mọc đồng đã trở thành lệ cứ ba năm tổ chức một lần và những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu.

Ngày xưa buổi hát không đơn giản và phổ biến như bây giờ, không phải cứ ai khá giả muốn tổ chức cuộc vui là thuê gánh hát về hát tại đình hoặc ngay tại sân nhà mình được. Phải theo lệ làng quy định, trước khi hát có họp hương lý cùng nhân dân trong làng đồng ý xong mới có thể thuê gánh hát về làng (trừ khi hát theo lệ). Kế đến là phân công chịu trách nhiệm từng mặt cả việc chi phí cho hát bội, bầu bồi bái (tức ông cầm

châu). Người cầm châu phải có đạo đức tốt, phải con cháu nhà tộc lớn, họ to mới đủ điều kiện và uy tín làm người cầm châu. Sau đây mới mời gánh hát về tụ rạp, chọn tuồng để diễn. Việc chọn tuồng là hết sức quan trọng vì nếu không phù hợp với nguyện vọng của làng thường bị dân làng phản ứng, không ủng hộ. Do vậy, chọn tuồng để diễn là một trong những khâu quan trọng bậc nhất của Hát Mục đồng ở làng Phong Lệ.

Đúng giờ đã chọn, gánh hát tụ rạp.

Rạp được làm trước sân đình bằng tre gốc, gốc tre trở ngược lên trên còn ngọn thì chôn xuống đất²³. Công đoạn treo phông, màn được gọi là trướng thành, cùng với trướng thành là đặt bàn tổ hát bội. Bàn tổ được phủ khăn điều để một bên rạp hát. Mọi việc chuẩn bị xong đâu đấy, kè là lễ cúng tổ sư ngành hát bội và cúng âm hồn, xứ đất. Trước bàn hương án người ta đặt một cái trống lớn, phủ khăn đỏ trên mặt trống. Trống được đặt trên một cái giá ba chân, còn dùi đánh trống được trịnh trọng hơn, đặt trên bàn án của đình.

Bắt đầu là lễ "*xây châu*", vị hương lý và mọi người dự lễ hội mặc quần trắng, áo dài đen, đầu đội khăn nhiễu đượng đứng thành hai hàng quay mặt vào bàn án thực. Theo lời xướng, chiêng trống gióng lên ba hồi liên tục rồi cứ thế mà đánh. Đội nhạc cổ bát âm hòa lên bài *Tam luân cửu chuyển*. Ông bồi bái (chủ sự), mặc áo rộng, đầu đội mào chân đi hia tiến vào đình đến trước bàn án, trịnh trọng hai tay nâng dùi

²³ Theo các cụ ở làng Phong Lệ cho biết, gốc tre được đưa lên trên có ý nghĩa rằng: đào, kèp hát tuồng do phân vai cha có thể đóng vai con và ngược lại. Có khi con đóng vai công chúa, nữ hoàng, mẹ đóng vai nô tỳ, nông dân hạ bộ... Khi hát con gọi mẹ, cha phải bả thừa, dạ... Vì thế mà khi làm sân khấu cho rạp hát có tục trở đầu tre nhằm biểu hiện không chấp nê khi sắm vai hát.

trống nằm ngang trong lòng bàn tay, nhẹ nhàng đi ra sân khấu đến trước bàn án vái ba vái rồi theo hướng đã quy định có đặt chiếc trống châu và đứng trước trống 3 mét. Xướng truyền báo cho đội hát chuẩn bị sẵn sàng để hát. Bồi bái cầm dùi trống khoán xuống đất, nơi ông sẽ đứng đánh trống, đoạn bước vào ngay chỗ khoán, kê đèn là khóa trên mặt trống,²⁴ dùng dùi trống khỏ trên mặt trống rất khẽ 7 tiếng,²⁵ rồi đưa thẳng tay, miệng đọc chú đánh một dùi thật nặng vào mặt trống đang còn phủ chiếc khăn điều. Vừa đánh trống, vừa dùng tay nắm lấy khăn điều quán dùi trống, vừa đánh vừa quán, miệng lâm râm lời chú của bài phú xây châu. Mỗi tiếng phú đi kèm một tiếng trống. Ba câu phú ứng với ba hồi trống, hồi trống dài hay ngắn là do đọc bài phú xây châu nhanh hay chậm quyết định.²⁶

²⁴ Bài khoán trên mặt trống như sau:

Tiên họa tứ tung
Hậu họa ngũ hoành
(Trước họa bốn dọc
Sau họa năm ngang)

Sau đây là hình thức khoán: vẽ khoán, vòng ba vòng , phược. Đây là thành tố có tính dị đoan. Nên bỏ.

²⁵ Khẽ rất nhẹ 7 tiếng trên mặt trống theo vị trí 7 ngôi sao trong chùm sao Bến lái. Người xây châu vừa đọc vừa khẽ:

*Nhứt ngũ thất trực như huyền
Nhị tứ lục diệt kham biên*

(1,5,7 thẳng như (cái) dây, 2,4,6 cũng thẳng, quay trở lại 3). Dị đoan!

²⁶ Bài phú xây châu: "Tứ tung ngũ hoành

Ngô đương xuất hành
Võ vương vệ đạo*
Đương ngô giả tử
Bối ngô giả vong
Cấp cấp như luật lệnh"

Dịch:

Bốn dọc năm ngang
Ta đang làm việc
Võ vương hộ vệ ta
Trước mặt ta thì chết
Sau lưng ta phải bị diệt
Mau mau như luật lệnh (của ta).

Trống dứt, ông bồi bái tháo khăn điều quần tọng tổ ngành hát bội, cùng lúc quay mặt tọng nhìn thẳng vào bàn án đình. Kịp lúc *học trò gia lễ (lễ sinh)* xướng *Phụng tiến ca viên*. Nghe tiếng trống và lời xướng, tất cả đào kép của gánh hát sau sân khấu *dạ* một tiếng đồng thanh thật lớn, rập ràng hòa theo âm thanh tấu lên của trống, chiêng, thanh la và phường đội nhạc cổ bát âm. Đội nhạc cổ bát âm thông thả chuyển âm thanh sang điệu *Khai trường*. Chủ bái đánh ba tiếng trống, rồi sáu tiếng tiếp theo, đây là hiệu trống *Lôi tam Lôi lục*, đây là tín hiệu báo cho đào kép hóa trang. Trống dừng lại ở đây, chủ bái vẫn còn đứng trước trống châu, lúc bấy giờ đội nhạc cổ bát âm chuyển sang điệu nhạc *Nghinh*. Điệu nhạc *Nghinh*, một mặt nhìn những thần linh đang thờ tại đình, mặt khác được hiểu nghinh những đại diện Tông, Hạt, Xã, Làng ... đến dự lễ hát.

Tiếng trống *Lôi tam, Lôi cửu* giục lên là dấu hiệu có ý nghĩa báo hỏi đào kép sau sân khấu đã chuẩn bị xong hay chưa. Nếu đào kép đã chuẩn bị xong thì trả lời lại bằng hiệu trống *Lôi tam, Lôi lục*, nếu chuẩn bị chưa xong thì chưa đánh trống trả lời. Nhạc bát âm chuyển theo các làn điệu hát ca (theo tuồng). Để chuẩn bị hát, có hai kép hát đã hóa trang nhập vai, bước ra thủ lễ bái trước bàn án thờ Tổ ngành hát bội. Xong lễ, bồi bái đánh *khen thưởng* bằng ba tiếng trống, kèm với một ít tiền.

*Võ Vương Nguyễn Phước Khoát.

Bồi bãi đến lúc này mới được ngồi xuống ghế đã đặt sẵn trước trống châu. Tiếp đến là cử hát lễ mở màn cho buổi hát, một kếp đại diện cho cả gánh hát bước ra sân khấu và hát:

*-Cá phơi vi giỡn nguyệt
Chim xòe cánh hưởng sương
Mừng nay quốc phú dân cường
Phỉ báy phong điều vũ thuận.*

Thường, trong một buổi hát bội trước sân khấu có đặt hai trống châu, bên phải của sân khấu là châu *Cái*, bên trái là châu *Lèo*. Châu *Cái* chỉ chủ bãi và các già làng của địa phương có tổ chức hát bội mới được đánh, còn châu *Lèo* dành cho tứ dân, quan khách hoặc người từ các xã hiệu lân cận mộ điệu đến xem thì có thể đánh châu *Lèo*. Khi đào kếp hát hay, người bốn phương mộ điệu đến xem muốn đánh trống phải liên hệ Ban tổ chức để mua thẻ, một người mua bao nhiêu thẻ cũng được, đoạn dùng thẻ đó thế tiền ném lên sân khấu để được đánh trống, hết thẻ gác ngang dùi trên trống, nhường cho người khác. Đào kếp nào nhận được thẻ, giao lại thẻ cho Ban chủ sự để nhận tiền thưởng của người xem.

Trước khi kết thúc một đêm diễn phải có đoạn hát "*Định đô*", (thường là vậ), nội dung của đoạn định đô là phải giết cho được nịnh thần hoặc dẹp xong quân giặc ngoài biên tái hoặc dẹp yên hiềm khích bất hòa trong triều chính...và tôn tôn vương hoặc đề cao ân đức của nhà vua hoặc của triều đại... Ví dụ một câu hát định đô như sau:

*-Biên thù đà dẹp yên quân giặc
không còn dây động can qua*

*Truyền bá quan an vị
Truyền nội thị đãi yến bá quan
Nay nước nhà đà thanh trị,
lấy đức rải bốn phương,
ra ân nhuần trăm họ.*

Tất cả đào kép trên sân khấu đồng xướng:

-Van tuế...Vạn...vạn...tuế...!

Màn khép lại, châu bãi một hồi trống thật dài.

LỄ HỘI ĐẤU VẬT LÀNG GIÁNG ĐÔNG

Đối tượng suy tôn: Thần nông và trẻ chăn trâu đấu vật

Địa điểm : Xã Hoà Châu, Huyện Hoà Vang, Tp Đà Nẵng

Thời gian : Ngày 12 tháng 3 âm lịch,

Đặc điểm : Cầu vũ thuận phong điều. Các cụ già vật lệ, thanh niên thi tài

Năm Thành Thái thứ III, để thuận lợi trong việc cai quản canh điền, tá thổ, làng Phong Lệ được tốt, cả một vùng rộng lớn của Đà Ly xứ xưa kia được chia tách ra thành nhiều làng: Quá Giáng, Giáng Đông...Phong Lệ. Không phải sau khi chia cắt đất đai lập làng Giáng Đông mới có tục đấu vật, mà trước đó đã có tập tục này gắn liền với “*Phong Lệ mục đồng...*” rồi. Ông Trần Công Hoài (66 tuổi) người dân sống lâu năm tại làng đã từng được nghe các cụ xưa kể về đấu vật. Theo cụ, sự tích đấu vật của làng như sau:

Tập tục đấu vật có từ xa xưa, nhằm cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa vụ thu hoạch được nhiều, làm ăn nông tang phát đạt. Cứ ba năm đến ngày quy định, làng thông báo cho các chư phái tộc tham gia hội thi đấu vật. Mỗi tộc họ chọn ra một người già (nhưng còn đi quyền được) của tộc họ mình ghi tên thi đấu. Sau keo đấu khai hội của các cụ xong, đám thanh niên trai trẻ trong làng mới bắt đầu vào cuộc lễ hội đấu vật. Tương truyền rằng trong keo đấu vật khai hội cho làng, hễ cụ nào đấu thua thì thế nào trong năm ấy cũng qua đời. Từ đó, lời truyền trong dân rằng cứ ai tham gia thi đấu vật có sự chứng kiến của thần linh trong đình mà thua thì thế nào trong năm ấy cũng chết, hoặc không cũng phải trải qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Đây là điềm hệ trọng!

Đấu vật cứ ba năm đến lệ một lần được tổ chức trên một vuông đất rộng tại vườn nhà ông Canh. Tại đây, đám thanh niên trong làng thường tập trung lại học võ, đi quyền, múa gậy chuẩn bị cho cuộc thi.

Vào một buổi chiều trong một lần đấu vật, thi tài giữa hai cụ già trong làng, không rõ nguyên nhân từ đâu, sau khi thi đấu xong một thời gian có một người chết (tương truyền là cụ Biện Lương). Dân trong làng kinh hãi, lập bàn thờ cúng, tế cụ và thần linh. Để tưởng nhớ các vị đã quá cố tại vườn võ ông Canh, những người đam mê đấu võ, đi quyền hẹn nhau cứ 3 năm, chọn ngày 12 tháng 3 âm lịch²⁷ là ngày lễ hội đấu vật của làng Giáng Đông. Bà con trong làng đứng ra tổ chức đấu vật trên tinh thần thượng võ, không có yếu tố hơn thua. Không khí buổi đấu vật vui tươi và cởi mở. Đấu vật tại làng Giáng Đông từ đó lan đi khắp các địa phương

²⁷ Trước Lễ hội Mọc đồng chừng nửa tháng.

trong huyện ²⁸. Theo đó, đấu vật làng Giáng Đông có thể sánh ngang với lễ hội Phong Lệ mục đồng.

Lễ hội đấu vật ảnh hưởng sâu rộng trong làng, trở thành lễ tam niên, cuốn hút thanh niên luyện tập võ nghệ, không chỉ để thi đấu mà còn rèn luyện thân thể. Năm 1945, để chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945, nơi vườn nhà cụ Canh là một trong những địa điểm tập kết thanh niên tập võ bằng gậy gộc, rèn luyện quân sự chuẩn bị cho nhân dân tổng Thanh An nổi lên giành chính quyền. Những lần tập võ tại vườn, lần nào cũng thu hút số đông thanh niên tham gia, khí thế vui nhộn và hào hứng.

Theo các cụ già làng Phong Nam, “đấu vật” gắn liền với “rước Thần Nông”, nhân dân Phong Lệ sau khi dự lễ hội mục đồng xong là có thể nhanh chân xuống làng Giáng Đông xem các cụ già so tài cao thấp qua bộ môn vật cổ truyền người Việt. Hoặc cũng có thể xem xong đấu vật lại ngược lên vườn Lãng, Phong Lệ xem Lễ hội Mục đồng. Bởi lễ hội diễn ra 2 ngày 3 đêm nên việc người tứ lân mộ điệu đi xem cùng lúc 2 lễ hội lớn trong vùng vẫn có thể tranh thủ được.

Có người tìm hiểu về lễ hội này và cho rằng đây là lễ hội “hát vật”, tức hát trước vật sau.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu lễ hội “Phong Lệ mục đồng”, điều ghi nhận là những người già tại Phong Nam hiện nay đều cho rằng “đấu vật” diễn ra cùng thời điểm với lễ rước Thần Nông. Tại một miếng đất gần đình làng Giáng Đông diễn ra đấu vật. Để tổ chức lễ hội được tốt, làng Giáng Đông phân công cho những người nông dân sản xuất trên những miếng ruộng tự điền gọi là ruộng

²⁸ Theo các cụ già Ngô Tân Nhã (Tư Nhã) cụ Lê Kim Chúc, cụ Ông Văn Hoá, Ông Văn Từ... làng Phong Lệ xưa, nay là Phong Nam, thì làng Giáng Đông đấu vật cùng thời điểm với lễ rước mục đồng tại Phong Nam và theo lệ 3 năm tổ chức một lần. Nhưng theo ông Trần Công Hoài, Trưởng thôn Giáng Đông thì đấu vật tổ chức vào ngày 12 tháng 3 âm lịch và tổ chức hằng năm.

công quân cấp, theo lệ phải lo đủ phẩm vật tế lễ tại đình và chuẩn bị phần thưởng cho những ai đấu vật thắng cuộc. Theo cụ Nguyễn Hiến (84 tuổi): *“Năm nào có tổ chức đấu vật, làng Giáng Đông vui như hội. Ngay trước khi diễn ra lễ chính thức, không khí làng đã khác hẳn, người ta chuẩn bị đủ thứ, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Còn con nít thì tùm năm, tùm ba bàn tán xôn xao...”*

Thế nhưng, để tổ chức đấu vật thành công không phải chuyện dễ, công tác chuẩn bị diễn ra trước đó cả tháng trời mới có thể có điều kiện mở hội theo lệ được. Để đấu vật, theo tục tại làng, 12 chur phái tộc phải cất đặt người tham gia, chọn các cụ già nhưng phải có sức vật một đến hai keo. Mỗi kỳ tổ chức đấu vật, làng cử 2 tộc họ đến phiên chọn 2 cụ già mạnh khoẻ, có thể tham gia vật mở màng cho thi đấu. Cứ luân phiên như vậy, hễ đến kỳ, đến phiên là chuẩn bị... Sau khi được chọn lựa, đề cử, các cụ bắt tay ngay vào việc luyện tập thân thể, luyện võ, đi quyền, tập vật để thi.

Đến ngày thi đấu, làng chọn một miếng đất gần đình làng làm nơi trở tài.

Trước khi thi đấu, làng Giáng Đông có tổ chức nghinh thần từ vườn ông Canh về đình làng, kể là tổ chức lễ rước sắc từ nhà ông Thủ sắc về đình làng. Trong lễ rước, có 4 thanh niên mạnh khoẻ khiêng bàn hương án được kết các loại lá dừa, lá cây ngâu trên khung tre thành hình tứ quý: long, lân, quy, phụng. Sắc được vua phong cho người có công khai sáng làng xã hoặc có công với đất nước, khi rước sắc trong bàn án đặt bài vị của thần. Nếu rước sắc vua phong một thần nào đó chung chung, chẳng hạn vua phong *“Đức bảo trung hưng thượng đẳng thần”* thì chỉ có nôi hương và hòm đựng sắc phong. Đi trước đoàn rước là trống lệnh điểm nhịp, theo sau là hai hàng gươm giáo, có cả biểu tượng của chiếc kiếm và cây bút lông nằm trên tay được cắm trên một cán

đưa lên cao (người địa phương gọi chung các loại giáo mác... này là “Lỗ bộ”²⁹), đến cờ làng hai bên có từ 4 đến nhiều cây và các vị hương chức trong làng, áo dài khăn đóng chỉnh tề nghiêm trang đưa thần về đình làng dâng lễ. Đi trước là đội trống, chiêng và nhạc bát âm (đôi khi không đủ bát âm) tấu bài nhạc mừng. Tư lễ xuống:

-Khởi chinh cổ

-Nhạc sinh khởi nhạc

(...)

Trên đường rước sắc từ nhà vị Thủ sắc về đình, có mang theo bản nhỏ ghi chữ “túc tịnh” dẫn đầu đi trước cho người dân biết mà giữ trật tự, im lặng.

Đám rước về đến đình làng, Tư lễ lại xuống:

-Chước tưu

-An chư thân vị.

Vị chủ tế im lặng, kính cẩn mang hòm đựng sắc và bài vị của thần đặt vào bàn án đình. Đoạn, thắp hương, đèn sáp màu đỏ khắp ba gian đình. Tại thời điểm này có lễ vọng. Vị Chủ tế đứng trước gian trung đình, đọc:

- Tư nhơn, hạ thiên lệ hữu, cầu phong điều võ thuận, kiên dụng phẩm vật tư thành...

Để tăng thêm phần vui tươi cho lễ đầu vật, các nho sinh, giới mục đồng làm các loại lồng đèn, nhiều nhất là lồng đèn bánh ú, để làm ít tốn kém, lại gọn. Lồng đèn có chức năng soi sáng khi đêm xuống, đồng thời tạo cho lễ hội thêm lung linh huyền ảo đêm

²⁹ Lỗ bộ: là một số đồ binh khí thời xưa gồm 2 mác cán dài, 2 cây cờ tiết mao, 2 búa, 2 dùi bằng đồng, 1 tấm biển túc tịnh và 1 tấm hồi tị. Tùy theo làng, có nơi sắm 2 cờ, 4 gươm trường, 2 búa, 1 xà mâu, 2 cây long đao, ...được cắm vào giá xoè ra như cánh quạt, đặt tại hai bên tả hữu, hoặc chánh tả các đình, nhà thờ tộc họ (có người làm quan). Đây là đồ nghi trượng làm tăng thêm vẻ trang nghiêm.

trước lễ đấu vật, tạo không khí lễ hội cho nhân dân tham gia. Lồng đèn còn dùng vào việc tham gia rước thần và rước sắc . Trước khi rước sắc, lồng đèn được tập trung về đình có ban chầu chọn xếp loại và có thưởng bằng tiền. Ngay trong lễ rước thần đã có dân làng đến xem thật đông, tạo cho lễ hội thêm vui. Thần và sắc rước về đến đình, tại đây có ban nhạc bát âm tấu lên điệu nhạc Kim tiền mừng vui nhộn nhịp. Khi dâng lễ lên thần, chiêng trống của làng và các chũr phái tộc được gióng lên lan toả, trầm hùng. Không khí lễ hội bắt đầu. Cùng với nhịp chiêng dài, lời hát ngợi ca được ngâm lên:

*Cắm tú sơn hà thoại khí sinh
Thanh đức đồ hoá sinh chương thổ võ
Thổ võ sơn hà thọ chung linh
Làng ta phong cảnh tốt xinh
Đình chùa miếu võ anh linh huy hoàng
Muốn cho mỹ tục vinh quang ngày rày
Có xưa thời mới có nay
Cảnh tình phong nguyệt vui thay nhộn nhàng
Cỗi văn minh đèn sáng rực dàng
Bờ thổ võ dân tình nghinh rước
Để nhớ lại ông cha khi trước
Đánh nhà Thanh gìn giữ cỗi bờ
Hà hí ha...hà hí ha...*

Người dân làng Giáng Đông truyền rằng, đây là bài thơ do ông Trí Nho là một vị đồ nho dạy học trong làng sáng tác nên. Rước sắc từ nhà Thủ sắc về đình, đám rước vừa đi vừa hát, đến đình mới thôi.

Để bắt đầu tổ chức đấu vật, làng Giáng Đông chuẩn bị một lão làng chỉnh tề y phục áo dài khăn đóng, mang guốc xà lang hoặc sang hơn có đôi giày hạ ngồi cạnh bên miếng đất vuông dùng

cho thi đấu phụ trách trồng châu cỏ động thi tài. Trên mặt trồng phủ một miếng vải đỏ. Giờ khai cuộc được xem xét đầu vào đây. Đến giờ tụ hội, vị cầm châu đánh một hồi trống lại ba dùi. Đúng thời điểm đó, hai vị già làng đại diện cho hai họ trong làng cỡi trần, quần khố thùng thảng ra sân trong tiếng vỗ tay động viên vang một góc làng.

Bắt đầu đấu vật, để ra uy họ đi quyền, nhưng đi ba bộ. Xong quyền là vật. Thường quy định của lễ hội là vật ba keo. Ai thắng đều có thưởng. Ai thua, theo quan niệm thời bấy giờ cả năm đó họ hàng làm ăn không nên nổi, người đại diện cho giòng họ tham gia đấu vật có thể không toàn mạng.

Sau keo vật của hai cụ già, kế đến là các chàng trai thanh niên lực điền trong làng tiếp tục ra sân thi đấu. Cuộc thi có năm diễn ra cả ngày mới phát thưởng được.

Sau hội đấu vật có thể có hát bội, có thể không tùy năm theo lệ “Tam niên nhứt lệ”. Năm nào có hát bội, ngay trước sân đình người mộ điệu đến xem rất đông. Dọc theo hàng tre dẫn về đình, người ta bày bán xôi, chè, khoai, sắn, thuốc lá Cẩm Lệ, mì Quảng... Cụ Từ Thị Tam (76 tuổi) quê tại Giáng Đông kể rằng đến ngày lễ hội thi đấu vật, người đông không đếm được, các làng quanh đây cũng tề tựu về xem thi đấu. Cánh đồng Giáng Đông vừa mới cuộc rang, việc còn đang rảnh, nên dự xem rất đông.

Nay, *Giáng Đông đấu vật* đã thất truyền. Năm 1936 (Bính tý) là năm cuối cùng làng Phong Lệ tổ chức rước mục đồng, từ đó người mộ điệu các làng lân cận không còn có cơ hội được xem lễ rước mục đồng tại làng Phong Lệ, và đấu vật tại Giáng Đông được nữa³⁰.

³⁰ Xem: Phạm Hữu Đăng Đạt, *Giáng Đông đấu vật*, Tạp chí Non Nước 2006.

Lễ hội tắt bếp thôn Trà Kiềm xã Hoà Phước và thôn Thi Lai xã Hoà Nhơn huyện Hoà Vang

Đối tượng suy tôn: Tinh thần tập thể, tinh cộng đồng.

Địa điểm : Thôn Trà Kiềm xã Hoà Phước, thôn Thi Lai, huyện Hoà Vang.

Thời gian :

Đặc điểm : Nấu cơm ăn chung tại đình làng, nhà trù của làng, tổ chức vui chơi.

Lễ hội tắt bếp tại đất Quảng gắn liền hình thái nông nghiệp lúa nước. Thôn Trà Kiềm xã Hoà Phước, thôn Thi Lai xã Hoà Nhơn thuộc huyện Hoà Vang hằng năm có một ngày tắt bếp. Họ gom lương thực, thực phẩm về đình làng nấu nướng tế thần xong cùng nhau ăn một bữa cơm chung trong tinh thần cộng cảm, tương thân tương ái, thắt chặt tình làng, nghĩa xóm. Đây là lễ hội mang tình nhân văn sâu sắc mặc dầu lễ hội không diễn ra nhiều ngày có quy mô lớn, song qua lễ hội tắt bếp cho thấy nhân dân luôn lấy tinh thần cộng đồng làm trọng. Đây là biểu hiện của tư duy chủ toàn, cái toàn thể quyết định bộ phận, mối liên hệ giữa bộ phận và toàn thể do đó được gắn kết nhau. Mỗi gia đình là một thành viên của cộng đồng, thế nên gia đình gắn chặt với cộng đồng làng xã. Hình thức tổ chức lễ hội như vậy lâu dần không bỏ được đã trở thành nếp sinh hoạt chung của cả làng, là ngày hội của toàn thể dân làng từ nam phụ lão ấu ai cũng đồng tâm nhất trí tham gia.

Hằng năm, đúng vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, tại thôn Thi Lai “*bốn thôn chức việc, toàn dân đặng*”, tất cả nghỉ việc nhà nông, tập trung về đình làng thực hiện lễ hội cầu an,

mong cho mưa thuận gió hoà, mùa màng no đủ, toàn dân từ già đến trẻ không bị các loại bệnh dịch hoành hành, toàn thể dân làng cầu xin thần Thành hoàng làng bảo an cho dân mạnh khoẻ quanh năm, thực hiện được công việc nhà nông thắng lợi. Do suốt ngày vui chơi tại đình làng nên bếp nhà không đổ lửa. Theo đó, trong nhân dân trong làng có tục gọi là lễ hội *tắt bếp*.

Trước mùng 10 một ngày, các vị đại diện chư phái tộc trong làng đôn đốc trai tráng quét dọn đường làng, làm vệ sinh đường sá sạch sẽ, chống ô nhiễm. Tại đình làng, người ta cắm các cây cờ làng đuôi nheo nhiều màu sắc, trông không khí lễ hội đang được nhóm lên. Trên các con đường chính của làng, các xóm cũng đã cắm các cây cờ xéo từ ngày hôm trước. Vào đến đầu làng đã thấy không khí lễ hội tắt bếp đang được chuẩn bị tươm tất.

Từ mờ sáng mùng 10 tháng 3, người dân trong làng nô náo sửa soạn gạo mắ, củi đun mang ra đình. Tại đình có ban ẩm thực chuyên thu gom, sắp đặt, phân công chuẩn bị nấu nướng làm lễ tế đình. Trai tráng giúp các mẹ chị chẻ củi, gánh nước, bung bê cho nhanh, kịp làm lễ tế Thành hoàng bốn xứ và các vị tiền hiền, hậu hiền khai canh khai cư lập nên làng.

Lương thực, thực phẩm là các sản vật thổ nghi có tại địa phương. Vào tháng 3 âm lịch, trời bắt đầu nắng nóng, lễ vật dâng cúng thường có các loại măng, rau củ địa phương do nhân dân trong làng mang đến. Lễ tế thần diễn ra trong buổi sáng, sau khi thực hiện các nghi lễ tế thần, toàn thể nhân dân trẻ già, trai gái đều ngồi chung lại tại sân đình ăn bữa cơm trưa trên tinh thần cộng cảm. Tại đây, người ta tìm hiểu về một loại

giống lúa cho năng suất cao, loại cây trồng phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng địa phương. Dân làng còn tìm hiểu nhau về tình hình sức khỏe gia đình, con cháu học hành thi cử, đỗ đạt ra sao...những thành viên trong làng vì cuộc sống mà tha phương làm ăn nơi đất khách quê người, trong dịp Tết nguyên đán có về thăm nhà thăm quê kiểng hay không... Cả đến việc tìm hiểu nhau về tình hình gia cảnh, những thuận lợi, khó khăn, túng thiếu, đau ốm thất thường...đều đem ra giữa làng cho nhau biết nhằm thắt chặt thêm tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn bất ngờ.

Đến chiều, trai tráng thanh niên trong làng tổ chức các trò chơi dân gian còn lưu truyền tại làng như kéo co, thi đập om, nhảy dây, bao bố, đẩy cây, nấu cơm, vật tay, thi đấu cờ tướng, cờ gánh...Các bà mẹ, chị các cụ ông thường tập trung dưới gốc đa làng hát hò khoan đối đáp, nói về hoặc kể chuyện về sự hình thành làng, các bô lão có công với làng, các dòng họ có công đóng góp cho làng đến các vị có đạo đức tốt, chăm lao động được nhân dân trong làng kính trọng, chuyện con em trong làng học giỏi nêu gương tốt trong học tập cho các thế hệ học sinh tại làng... đều được các cụ bô lão ôn lại. Trên cơ sở đó, con cháu biết được truyền thống lịch sử làng, các dòng họ có công xây dựng làng. Các câu chuyện cổ từ đó được lưu truyền trong các thế hệ tiếp sau. Ca dao, tục ngữ, hò vè do đó được ghi nhớ và lưu truyền qua các thế hệ. Đồng thời qua lễ hội tất bết, các sinh hoạt xấu cũng được đem ra thảo luận, phê phán, rút kinh nghiệm như chuyện ăn cắp, đánh lộn, chửi hoạn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện lán bờ, lấp mương... đều được đem ra trao đổi rút kinh nghiệm trong lối sống.

Lễ hội hạ điền

Đối tượng suy tôn: Thần nông

Địa điểm : Nhiều địa phương trên đất Quảng Nam

Thời gian : Mùng 01 tháng 10 âm lịch hàng năm

Đặc điểm : Chuẩn bị vào vụ đông xuân

Quảng Nam xưa kia phát triển kinh tế thuần nông nghiệp nên việc chọn thời vụ thích hợp để tiến hành cày cấy, gieo trồng là cần thiết. Có được một vụ mùa tốt, sản lượng cao người dân đất Quảng cũng còn nhắm vào các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Thế nên trước khi xuống đồng cày cấy, ở Quảng Nam - Đà Nẵng có lễ hội xuống đồng. Vùng ngoại thành Đà Nẵng trước đây tục lệ này thường xuyên được tổ chức hàng năm, mãi đến khi tư tưởng "nông vi bản" không còn độc tôn nữa thì lệ tổ chức một lễ hạ điền cũng theo đó mà chấm dứt.

Nói, một cách hạ điền là để phân biệt các lễ hội hạ điền ở vùng đất Quảng xưa vì mỗi nơi tổ chức mỗi khác. Có nơi chỉ lễ mà không hội, có nơi tổ chức cả lễ lẫn hội. Ví dụ một cách hạ điền ở vùng Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ xưa để tìm hiểu lại một lễ hội của thời kỳ *nông vi bản*.

Cứ vào ngày 01 tháng 10 âm lịch hàng năm (trừ những năm nhuận) các cụ ông, cụ bà và thanh niên trai tráng lực điền trong các làng tập trung về miếu Thần nông (có làng là miếu Tam vị, Cồn thần) để tổ chức lễ hội hạ điền bắt đầu triển khai cho một vụ mùa mới. Mỗi gia đình kể cả quan chức trong làng phải chuẩn bị một con gà trống tơ mập mập làm sẵn thành phẩm, một bát xôi thơm (nếp được giã thật kỹ mà không xay). Vào từng sáng, theo hiệu lệnh bằng ba hồi trống, dân làng tập trung về Cồn thần, nơi

có lãng mộ Thần nông trên một vuông đất rộng chừng một sào để dâng lễ. Trong một lễ hội hạ điền vùng ngoại thành Đà Nẵng như đã nói trên không có văn tế và học trò gia lễ.

Lễ bắt đầu bằng việc người hội chủ đội mũ lễ sinh thay mặt dân trong làng đứng ra hành lễ, dân làng đứng quanh lãng mộ (hoặc miếu thần) để nghinh lễ. Chước tửu tuần thứ nhất đã qua, sắp đến tuần rượu nhì, bộ phận tư lễ cho đốt một phong pháo mừng thần giáng. Xong tuần rượu thứ nhì, ông hội chủ bước xuống ruộng gần nơi hành lễ cấy tượng trưng chừng 4 mét vuông ruộng với năm bó mọng (mạ) vừa tay, (năm bó mọng tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hoả thổ) sao cho sau khi cấy mọng còn thừa mới tốt. Diện tích cấy trong buổi hạ điền này được dân làng giao cho một người nào đấy quản lý, chăm sóc, đến khi gặt hái mang về cất giữ mãi đến cuối tháng 8 âm lịch, làng có lệ cúng cơm mới lại đem số lúa này xay giã nấu thành cơm dâng lễ cơm mới tại miếu Thần nông. Lễ này có các thành phần dân cư trong làng tham dự.

Sau lễ hạ điền tại miếu Thần nông, người dân trong làng tiến hành họp dân tại đình làng, bàn về việc làm ruộng, tiến hành vụ mùa, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội vui chơi trước khi xuống đồng. Tại đình người ta còn bàn với nhau chuyện hành chánh của làng, chuyện đánh lộn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện chửi bới nhau trong xóm, chuyện nhà cháy, chuyện kiện thưa, trộm cắp... Nhưng nổi lên vẫn là chuyện làm ăn nông tang cày cấy, dân làng lại bàn đến chuyện giống má, loại chịu úng, loại chịu hạn, loại giống cho năng suất cao... Tại đây người dân trao đổi giống lúa, khoai, sắn, bí, bầu cho nhau, ai có loại giống tốt, năng suất cao được nhiều người thăm dò trao đổi. Họ thoả thuận nhau một cách bằng lòng, vừa ý. Đây được xem như một họp đồng bằng miệng không có công chứng, thế nhưng trong nhân dân luôn giữ

được lời hứa, sao cho đến sau ngày 23 tháng 10 âm lịch tất cả đã được trao đổi như hợp đồng để có cây, con giống bắt đầu một vụ mùa mới.

Hội vui chơi còn kéo dài suốt cả đêm, thông thường các hình thức như hát hò khoan đối đáp, nói về Thông Tầm, thi đấu võ trong thanh niên nam nữ, đấu vật trong giới lão ông, đẩy cây, kéo co, vật tay... đến sáng mới giải tán.

Sau lễ hội hạ điền, người nông dân vùng ngoại thành Đà Nẵng: Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lê, Miếu Bông... bắt đầu vào một vụ mùa mới với hy vọng sẽ được Thần nông giúp đỡ cho một vụ thu hoạch khoai lúa đầy nhà.

Lễ hội cầu bông ở Hội An

Đối tượng suy tôn: Thần nông, Thành hoàng làng.

Địa điểm :Thôn Trà Quế, xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Thời gian : Mùng 07 tháng Giêng âm lịch hàng năm

Đặc điểm :Chuẩn bị vào vụ rau đông xuân

Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung là nơi bắt nguồn của nhiều lễ hội. Bên cạnh lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Long Chu, lễ hội Đua ghe khá nổi tiếng...Hội An còn có lễ hội Cầu Bông đây là một nét đẹp của văn hoá làng quê, được bảo lưu từ bao đời nay.

Lễ hội Cầu Bông được tổ chức hằng năm ở tại làng Trà Quế, thuộc xã Cẩm Hà, thành phố Hội An. Làng Trà Quế từ lâu nổi tiếng với nghề trồng rau. Rau ở đây có hương vị thơm ngon, tươi

tốt cung cấp quanh năm cho thành phố Đà Nẵng, thành phố Hội An và tỉnh Quảng Nam với các loại rau được mọi người yêu thích như rau cải các loại, xà lách, ngót, dền, răm, ngò, diếp cá...Hàng năm cứ vào mùng Bảy tháng Giêng âm lịch, nông dân làng rau truyền thống này lại cúng lễ Cầu Bông. Hàng trăm gia đình lo sắm sửa lễ vật dâng cúng và cầu mong một năm mưa thuận, gió hoà, mùa rau bội thu, nhà nhà no ấm.

Trước hết là lễ Nghinh thần (rước thần), để tổ chức lễ, ngay từ sáng tinh mơ, trong mùi hương cau thom ngát, tiếng trống, tiếng chiêng đã giục già trẻ, gái trai ở hai làng Đông – Tây tụ hội về đình làng, nhà thờ Tiên hiền để nghinh thần. Cờ phướng dâng cao, kiệu hoa quả tươi, lư hương và án thờ được bốn chàng trai làng vận lễ phục khiêng đi. Trước đoàn rước là hai hàng cờ, biển, theo sau kiệu thần là trống chiêng, đồ gia lễ, đội nhạc cổ và các nghệ nhân, các bô lão trong sắc phục áo dài, khăn đóng diễu qua các ngõ làng, thôn xóm. Lễ nghinh thần của làng rau Trà Quế bao giờ cũng có thêm đoàn phụ nữ mặc áo dài, trên tay bung mâm ngũ quả.

Năm nào làng rau phát đạt thì lễ Cầu Bông được tổ chức quy mô. Ngoài phần lễ còn có phần hoạt động hội hè, vui chơi để bà con giải trí và chuẩn bị bước vào năm mới với hy vọng nhiều tài lộc. Khi đoàn rước vừa đến đình, các vị bô lão tiến hành ngay lễ cúng đất và cúng âm linh theo nghi thức truyền thống. Bàn thờ cúng đất được đặt trước và đối diện với bàn cúng chính, trên bàn bày hoa quả, gạo, muối, thịt gạo, áo giấy và vật tế âm linh. Sau một năm làm ăn vất vả, đến lúc rảnh rỗi, nghỉ ngơi, nông dân luôn ngưỡng vọng về ân đức cô bác, âm linh, đồng thời bày tỏ lòng thành và niềm thương cảm.

Tiếp theo đó mọi người bước vào phần tế chính thức với bàn thờ đầy ắp bánh trái, hương hoa và đặc biệt có cả một con gà giò.

Theo người dân nơi đây, gà giò cúng phải là gà trống nuôi vừa mới lớn, có màu lông đẹp, đem luộc hết sức cẩn thận, da và gân phải nguyên vẹn. Văn tế có nội dung tôn vinh, ngưỡng vọng công đức tổ tiên, những bậc tiền hiền có công khai hoang lập nên làng rau truyền thống hơn 500 năm qua, Sau khi tế lễ xong, các cụ cao niên tập trung lại để xem giò gà, nếu giữa bàn chân gà đầy đặn thì xóm làng bình an, khá giả, hoa trái tốt tươi.

Không chỉ tập trung cúng đình, cả làng nhà nào cũng sắm một mâm lễ vật để Cầu Bông. Lễ vật nhất thiết phải có một con gà trống thiếu miệng ngậm hoa, trên lưng cắm một con dao làm bằng tre, năm đĩa xôi hồng cắm năm cái bông rực rỡ và một ly rượu trắng. Ngày nay, mọi người đều cảm thấy mình được xác nhận là một thành viên quan trọng không thể thiếu trong làng. Chính vì thế mà tất cả dân làng Trà Quế cũng như dân làng lân cận đều tụ họp về để tham gia phần hội hè sống động, vui vẻ này.

Năm nào cũng vậy, hội làng Trà Quế đều mở màn bằng hội thi cuộc đất trồng rau. Xóm trên, xóm dưới chọn những nông dân giỏi tay nghề để dự thi cuộc đất và trồng xuống các loại rau thơm. Xóm nào đạt giải sẽ được bà con đãi đằng, mở tiệc linh đình.

Hội Cầu Bông ở Trà Quế còn có thêm hội thi làm món tôm, là món đặc trưng của làng dùng trong các lễ cúng, hội hè và đãi khách. Ai đã một lần thưởng thức món này, chắc khó quên được hình ảnh con tôm cong cong kẹp với lát thịt cùng cọng rau húng tươi xanh và một tép hành dài quấn quanh, là những thứ luôn gắn bó với làng. Ba thứ ấy quấn chặt lấy nhau thành món tôm hũ. Đó cũng chính là tình bằng hữu của người dân quê này. Có lẽ vì thế mà nhiều người gọi là tôm hũ.

Nhiều năm qua, bí quyết tạo nên loại rau Trà Quế ngon nổi tiếng cả xứ Quảng không chỉ do đất đai màu mỡ, mà còn do ở đây có loại rong trên sông Cỏ Cò. Ngoài phân, nông dân đều bón lót

bằng loại phân này. Vì thế, hội thi vớt rong, bón gốc cũng diễn ra trong không khí rộn rã tiếng cười. Nhiều năm, lễ hội Cầu Bông còn có phần hội đua ghe ngang qua cửa hai làng Đông – Tây và nhiều làng ven sông khác ở Hội An ngay trên sông Cỏ Cò chảy qua làng

Lễ hội Cầu Bông của nông dân Trà Quế đã trở thành một nét độc đáo về văn hoá làng nghề, thu hút đông người tham dự. Cũng từ lễ hội này, mọi người trong làng gần gũi, thân thiết nhau hơn...³¹.



Già làng Gie Triêng dẫn đầu vào rừng lấy than về tổ chức lễ hội (St)

³¹ Xem: *Hội An, Văn hoá – Thông tin*, Bộ VH,TT& DL số 756 ngày 10.02.2008.